

Lời cảm ơn

Khóa luận tốt nghiệp đánh dấu bước trưởng thành quan trọng trong con đường sự nghiệp sau này của mỗi sinh viên. Khóa luận tốt nghiệp là kết quả nghiên cứu học tập miệt mài của bản thân sinh viên trong suốt bốn năm trên ghế giảng đường đại học. Công ơn của những thầy cô đã dạy dỗ, chỉ bảo cũng như sự giúp đỡ, ủng hộ của gia đình, bạn bè trong quá trình học tập tại trường là điều sinh viên không bao giờ quên. Cho đến nay, khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp sinh viên một lần nữa xin gửi lời tri ân và lời cảm ơn đến:

- Thầy cô giáo trường ĐH dân lập Hải Phòng, thầy cô trong văn phòng khoa ngành văn hóa du lịch đã giúp đỡ tạo điều kiện để sinh viên hoàn thành khóa luận.

- Ban quản lý Vườn Quốc Gia Bái Tử Long; UBND huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; UBND xã Minh Châu; Công ty Vân Hải Xanh và công ty Vân Hải Viglacera; Gia đình ông Vương Văn Tý cùng các ngư dân trên các xã đảo đã cung cấp tài liệu cũng như thông tin trong quá trình điều tra thực địa phục vụ cho khóa luận.

- Bạn bè, gia đình đã cổ vũ động viên, giúp đỡ trong quá trình thực hiện cũng như hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên xin bày tỏ lòng tri ân, kính trọng và biết ơn sâu sắc đến PGS.TS Nguyễn Thị Hải – Khoa địa lý trường đại học Quốc gia Hà Nội đã tận tình giúp đỡ, định hướng và chỉ bảo, hướng dẫn sinh viên trong suốt thời gian làm bài khóa luận này.

Sau khi hoàn thành, khóa luận không tránh khỏi những sai sót, sinh viên rất mong nhận được những nhận xét, góp ý từ các thầy cô giáo, bạn bè và những ai quan tâm đến vấn đề mà khóa luận đề cập.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2010

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Hồng Vân

MỤC LỤC

Danh mục các thuật ngữ viết tắt.....	5
Danh mục hình	5
Danh mục bản đồ.....	5
Danh mục bảng.....	6
Mở đầu	7
1. Tính cấp thiết của đề tài	7
2. Mục tiêu và nhiệm vụ.....	8
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	8
4. Cấu trúc khóa luận	8
Chương 1: Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	9
1.1. Các vấn đề cơ bản về du lịch sinh thái.....	9
<i>1.1.1. Khái niệm về du lịch sinh thái</i>	9
<i>1.1.2. Đặc trưng của du lịch sinh thái</i>	11
<i>1.1.3. Các nguyên tắc cơ bản</i>	13
1.2. Môi quan hệ giữa phát triển du lịch và VQG.....	15
<i>1.2.1. Tác động tích cực từ hoạt động du lịch ở VQG</i>	15
<i>1.2.2. Tác động tiêu cực do hoạt động du lịch ở VQG</i>	16
1.3. Tiềm năng du lịch sinh thái của các VQG	17
<i>1.3.1. Hệ thống VQG là tài nguyên phát triển du lịch sinh thái</i>	17
<i>1.3.2. Các tiêu chí đánh giá tiềm năng du lịch sinh thái của VQG</i>	18
1.4. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu	20
<i>1.4.1. Các quan điểm nghiên cứu</i>	20
<i>1.4.2. Phương pháp nghiên cứu</i>	22

Chương 2: Tiềm năng du lịch sinh thái của VQG Bái Tử Long	25
2.1. Khái quát chung VQG Bái Tử Long	25
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	26
2.1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự	27
2.1.3. Vị thế của VQG Bái Tử Long cho phát triển du lịch sinh thái.....	27
2.2. Các điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên.....	28
2.2.1. Vị trí địa lý.....	28
2.2.2. Địa hình - địa mạo.....	29
2.2.3. Các thành tạo địa chất	30
2.2.4. Khí hậu thủy văn	30
2.2.5. Sóng và nhiệt độ nước biển	32
2.2.6. Tài nguyên sinh vật.....	32
2.2.7. Tiềm năng du lịch tự nhiên.....	42
2.3. Các đặc điểm kinh tế – xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn.....	47
2.3.1. Đặc điểm dân cư.....	47
2.3.2. Đặc điểm kinh tế.....	48
2.3.3. Tiềm năng du lịch nhân văn	49
Chương 3: Hiện trạng hoạt động du lịch ở VQG Bái Tử Long	52
3.1. Khách du lịch	52
3.1.1. Nguồn khách và thành phần khách	52
3.1.3. Số lượng khách	52
3.2. Doanh thu	53
3.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	54
3.4. Thực trạng khai thác các tuyến điểm tham quan	57
3.5. Khả năng đáp ứng nhu cầu của du khách	60
3.5.1. Nhu cầu của du khách.....	60
3.5.2. Khả năng đáp ứng.....	61
3.5.3 Mức độ ảnh hưởng.	62
3.6. Mức độ đảm bảo vai trò giáo dục và thuyết minh môi trường	63

Chương 4: Định hướng - Giải pháp phát triển du lịch sinh thái VQG Bái Tử Long	67
4.1. Định hướng phát triển du lịch sinh thái ở VQG Bái Tử Long.....	67
4.1.1. Định hướng về sử dụng tài nguyên DLST bền vững.....	67
4.1.2. Định hướng về không gian du lịch	68
4.1.3. Định hướng về công tác đào tạo nhân lực	70
4.1.4. Định hướng về sự tham gia của cộng đồng.....	70
4.1.5. Định hướng về thị trường và quảng bá du lịch	71
4.2. Một số giải pháp phát triển du lịch... ..	72
4.2.1. Giải pháp về tổ chức hoạt động và quản lý.....	72
4.2.2. Giải pháp về môi trường.....	73
4.2.3. Giải pháp về cơ sở hạ tầng.....	74
4.2.4. Giải pháp về tổ chức quy hoạch du lịch cộng đồng	75
4.2.5. Giải pháp về thị trường	75
4.2.6. Giải pháp về vốn đầu tư.....	77
Kết luận	78
Tài liệu tham khảo	80
Phụ lục	82

Danh mục các chữ cái viết tắt	
VQG	Vườn quốc gia
DLST	Du lịch sinh thái
HST	Hệ sinh thái
ĐDSH	Đa dạng sinh học
RNM	Rừng ngập mặn
TVNM	Thực vật ngập mặn
TVPD	Thực vật phù du
XHH	Xã hội học
TNDL	Tài nguyên du lịch

Danh mục hình		
Hình	Tên hình	Trang
1.1	Sơ đồ cấu trúc DLST	10
2.1	Tỷ lệ của các lớp TVPD ở vùng biển Bái Tử Long	37
2.2	Tỷ lệ các nhóm động vật phù du	39
3.1	Nhận xét của người dân về ảnh hưởng của du lịch tới đời sống	62
3.2	Mức độ ảnh hưởng của du lịch đối với người dân địa phương	63

Danh mục bản đồ		
Hình	Tên bản đồ	Trang
1	VQG vị trí địa lý và ranh giới hành chính VQG Bái Tử Long	24
2	Vị trí các trạm khảo sát môi trường VQG Bái Tử Long	51
3	Quy hoạch chi tiết bảo tồn biển VQG Bái Tử Long	66

Danh mục bảng		
Bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Cơ cấu tổ chức nhân sự VQG Bái Tử Long	27
2.2	Thành phần loài thực vật rừng của VQG Bái Tử Long	35
2.3	Thành phần loài động vật hoang dã VQG Bái Tử Long	36
2.4	So sánh số lượng loài giữa các VQG biển Việt Nam	36
2.5	Thực vật phù du ở vùng biển Bái Tử Long	37
2.6	Rong biển làm thực phẩm, nguyên liệu chế biến dược phẩm	38
2.7	Độ phủ san hô sống tại các điểm khảo sát khu vực Bái Tử Long	40
2.8	So sánh số lượng loài giữa các vùng rạn san hô khu vực các đảo Đông bắc vịnh Bắc Bộ	41
2.9	Cấu trúc khu hệ Giáp xác VQG Bái Tử Long và Hạ Long	42
2.10	Cấu trúc thành phần khu hệ động vật Da gai VQG Bái Tử Long	42
2.11	Cơ cấu lao động xã Minh Châu năm 2009	48
3.1	Số lượng khách du lịch đến Vân Đồn qua các năm	54
3.2	Số lượng khách lưu trú tại khu DLST Vân Hải Xanh	54
3.3	Nhu cầu của khách du lịch khi đến Minh Châu	62
4.1	Những tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái và giải pháp giảm thiểu các tác động	75

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây các hiện tượng hiệu ứng nhà kính, ELNino... liên tục xảy ra và theo báo cáo của đài khí tượng thủy văn thì tình hình môi trường nói chung đang là vấn đề toàn cầu quan tâm. Nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong những năm qua đang trên đà phát triển nhanh. Việc phát triển du lịch phải gắn với bảo vệ môi trường, phát triển theo hướng bền vững. Bên cạnh đó thì môi trường cuộc sống của con người đặc biệt là tại các thành phố lớn ngày càng trở lên ngột ngạt do đó theo quy luật tâm lý, con người có nhu cầu tìm về những nơi có không khí trong lành và yên tĩnh để nghỉ ngơi. DLST được xem như là một hướng đi mới, một xu thế phát triển mới và chiếm được sự quan tâm của nhiều người, bởi đó là loại hình du lịch thiên nhiên có trách nhiệm hỗ trợ các mục tiêu bảo tồn tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa, phát triển cộng đồng mà vẫn bảo đảm nguồn lợi kinh tế.

Việt Nam có đường bờ biển dài 3240 km, lại nằm ở vùng khí hậu nhiệt đới nên Việt Nam có nhiều VQG nằm trong chiến lược bảo tồn ĐDSH, mang tính đặc thù cao và là điểm lý tưởng để phát triển DLST nói chung và DLST biển nói riêng. VQG Bái Tử Long thuộc huyện Vân Đồn là một trong những điểm giàu tiềm năng như vậy. Tuy nhiên hoạt động du lịch ở đây mới chỉ ở giai đoạn đầu của sự phát triển, chưa được quy hoạch cụ thể nên việc khai thác tài nguyên mang lại hiệu quả kinh tế thấp, chưa xứng với tiềm năng vốn có của mình.

Thực tế, trước khi được công nhận là VQG thì các khu rừng là nguồn sống chủ yếu của cư dân bản địa. Song từ khi được công nhận là VQG thì việc khai thác động thực vật trong khu vực VQG là không thể. Vấn đề được đặt ra là làm cách nào vừa khai thác tài nguyên mang lại hiệu quả kinh tế cao, vừa bảo vệ được hiện trạng của VQG mà vẫn đảm bảo được đời sống của người dân địa phương tại khu vực VQG Bái Tử Long. Do vậy khóa luận với đề tài: ***“Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch sinh thái Vườn quốc gia Bái Tử Long, tỉnh Quảng Ninh”*** mong muốn góp phần đưa ra cái nhìn toàn diện về

tiềm năng phát triển DLST tại VQG Bái Tử Long mà chủ yếu là dựa vào cộng đồng đảm bảo tính bền vững cho khu vực VQG.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ

Mục tiêu của đề tài là dựa trên cơ sở đánh giá tiềm năng và hiện trạng hoạt động DLST của VQG Bái Tử Long, nhằm đề xuất những giải pháp khai thác hợp lý tiềm năng, phát triển DLST trong khu vực.

Để thực hiện được mục tiêu trên, đề tài cần tập trung giải quyết những nhiệm vụ chính sau:

- Nghiên cứu tổng quan cơ sở lý luận về DLST và tiềm năng của DLST.
- Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng DLST của VQG Bái Tử Long.
- Phân tích, đánh giá tiềm năng du lịch tại VQG Bái Tử Long.
- Đề xuất giải pháp nhằm khai thác hợp lý tiềm năng của VQG Bái Tử

Long phục vụ phát triển DLST trong khu vực.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

** Đối tượng nghiên cứu*

Tập trung vào các thành tố của điều kiện văn hóa, tự nhiên như: địa hình, cảnh quan, độ bền vững, vị trí, khả năng tiếp cận và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch để phát triển du lịch đặc biệt là loại hình DLST.

** Phạm vi lãnh thổ*

Đề tài chủ yếu tập trung nghiên cứu tiềm năng phát triển DLST tại VQG Bái Tử Long (nằm trong ranh giới hành chính của xã Minh Châu, xã Quan Lạn), có gắn với không gian du lịch huyện Vân Đồn và tỉnh Quảng Ninh.

4. Cấu trúc khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, tài liệu tham khảo, nội dung khóa luận gồm bốn chương :

Chương 1: Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Chương 2: Tiềm năng và hiện trạng phát triển DLST tại VQG

Chương 3. Hiện trạng hoạt động du lịch ở VQG Bái Tử Long

Chương 4: Định hướng - Giải pháp phát triển DLST VQG Bái Tử Long

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Các vấn đề cơ bản về DLST

1.1.1. Khái niệm về DLST

DLST là loại hình du lịch có nguồn gốc từ du lịch thiên nhiên, gắn liền giữa môi trường tự nhiên với cộng đồng để phát triển bền vững. Trong suốt những năm 60, mối lo ngại của công chúng về môi trường ngày càng tăng lên thì cũng là lúc DLST được quan tâm tới nhiều hơn. Đặc biệt, sau hội nghị thượng đỉnh về môi trường tổ chức tại Thụy Điển năm 1972, nhưng nó chỉ thực sự được nghiên cứu vào thập kỉ 80 của thế kỷ XX. DLST được Hector Cebalos Lascurain – một nhà nghiên cứu tiên phong về loại hình du lịch này đưa ra định nghĩa đầu tiên vào năm 1987: “DLST là điểm du lịch đến những khu vực tự nhiên còn ít bị thay đổi, với những mục đích đặc biệt: nghiên cứu, tham quan với ý thức trân trọng thế giới hoang dã và những giá trị văn hóa được khám phá”.

Theo Megan Epler Wood (1991): “DLST là du lịch đến các khu vực còn tương đối hoang sơ với mục đích tìm hiểu về lịch sử môi trường và văn hóa mà không làm thay đổi sự toàn vẹn của các HST. Đồng thời tạo những cơ hội về kinh tế để ủng hộ việc bảo tồn tự nhiên và mang lại lợi ích cho người dân địa phương”. [11]

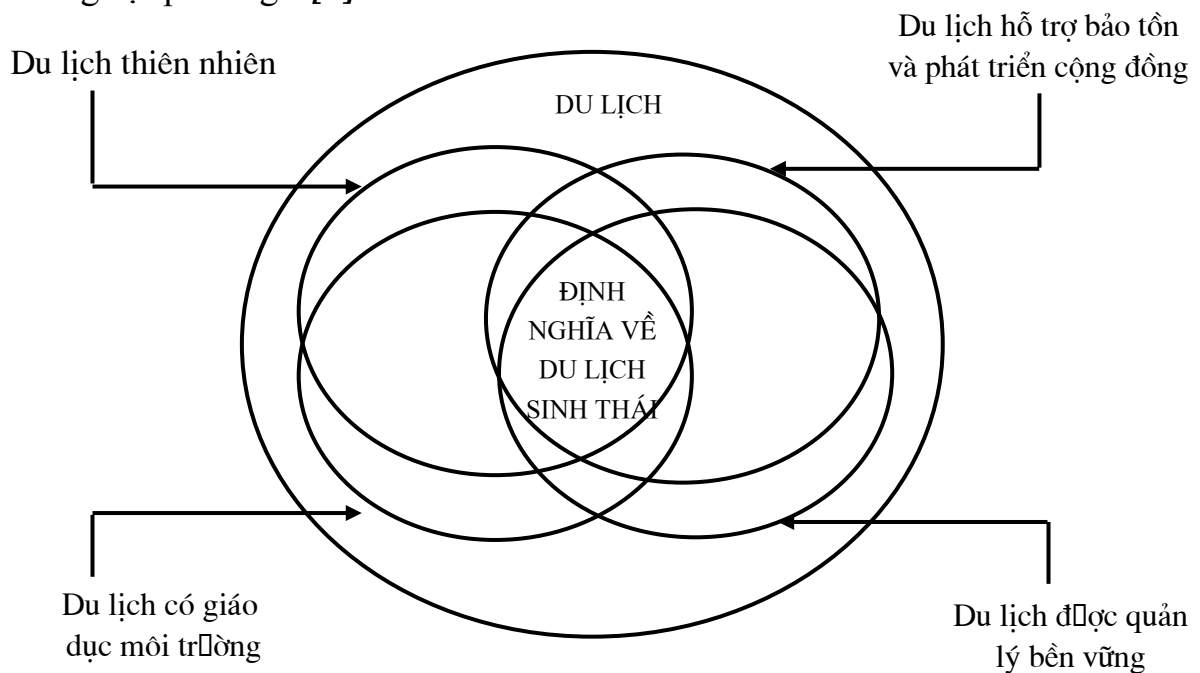
Theo Allen (1993): “DLST được phân biệt với các loại hình du lịch thiên nhiên khác về mức độ giáo dục cao với môi trường và sinh thái, thông qua những hướng dẫn viên có nghiệp vụ lành nghề. DLST tạo mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên hoang dã cùng với ý thức được giáo dục để biến bản thân du khách thành những người đi đầu trong công tác động bảo vệ môi trường. Phát triển DLST sẽ giảm thiểu tác động của khách du lịch đến văn hóa và môi trường, đảm bảo cho địa phương được hưởng nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên chính cho du lịch mang lại và chú trọng đến những đóng góp tài nguyên thiên nhiên chính cho việc bảo tồn thiên nhiên”. [11]

Định nghĩa của hiệp hội DLST quốc tế: “DLST là việc đi lại có trách nhiệm tới các khu vực thiên nhiên mà bảo tồn được môi trường và cải thiện phúc lợi cho người dân địa phương”.

** Tại Việt Nam*

DLST mới được nghiên cứu ở Việt Nam vào giữa thập kỷ 90 của thế kỷ XX. Năm 1995, dự án thí điểm đầu tiên nằm trong khuôn khổ hợp tác Quốc tế về nghiên cứu, lập quy hoạch cho những cơ hội phát triển du lịch thám hiểm thiên nhiên ở Việt Nam giữa ta và các nhà chuyên môn New Zealand.

Khái niệm về DLST ở Việt Nam được nhìn nhận từ nhiều góc độ khác nhau và còn nhiều điểm chưa thống nhất, nhiều cuộc hội thảo chuyên đề được tổ chức với sự tham gia của các nhà nghiên cứu trong và ngoài ngành đã đưa ra nhiều khái niệm khác nhau về DLST. Trong hội thảo Quốc gia về “Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển DLST ở Việt Nam” năm 1999, đi đến thống nhất về quan niệm DLST như sau: “DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục và môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”. [6]



Hình 1.1 Sơ đồ cấu trúc DLST

1.1.2. Đặc trưng của DLST

Phát triển du lịch nói chung và DLST nói riêng đều thực hiện dựa trên cơ sở khai thác và sử dụng tiềm năng về du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn kèm theo cơ sở hạ tầng và dịch vụ. Những sản phẩm du lịch được hình thành từ các tiềm năng về tài nguyên đem lại lợi ích cho xã hội. Vì vậy DLST vừa mang những đặc trưng chung của du lịch lại vừa mang đặc trưng riêng của mình:

* *Tính đa ngành*: đối tượng được khai thác để phục vụ du lịch nói chung và DLST nói riêng, đồng thời thu nhập của xã hội từ du lịch mang lại nguồn thu cho nhiều ngành kinh tế khác thông qua sản phẩm du lịch dịch vụ cung cấp cho khách du lịch như điện nước, nông sản, hàng hóa...

* *Tính đa thành phần*: được thể hiện ở sự đa dạng của các bên tham gia vào DLST, trong đó có cả khách du lịch, những người phục vụ trong ngành du lịch, cộng đồng địa phương, các tổ chức cá nhân và tổ chức phi chính phủ...

* *Tính đa mục tiêu*: DLST mang lại nhiều lợi ích về nhiều khía cạnh như bảo tồn tự nhiên, cảnh quan lịch sử – văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống của khách du lịch và người tham gia hoạt động du lịch, mở rộng giao lưu văn hóa, kinh tế, nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi thành viên trong xã hội.

* *Tính liên vùng*: giữa các tuyến điểm du lịch với một quần thể các điểm du lịch trong phạm vi một khu vực, một quốc gia hay giữa các quốc gia.

* *Tính mùa vụ*: mọi hoạt động du lịch nói chung đều mang tính mùa vụ, làm cho cường độ hoạt động du lịch tập trung cao vào một thời điểm nào đó trong năm, đặc biệt là du lịch biển, giải trí cuối tuần hoặc thể thao theo mùa. Tính mùa vụ hình thành do nhiều yếu tố vừa tác động riêng rẽ vừa tác động đồng thời.

* *Tính chi phí*: phụ thuộc vào mục đích đi du lịch của du khách đó là đi du lịch để hưởng thụ sản phẩm du lịch chứ không phải đi du lịch để kiếm tiền.

* *Tính xã hội*: thu hút được sự tham gia của đại bộ phận trong xã hội vào hoạt động du lịch một cách trực tiếp hay gián tiếp.

Theo Dowling, sự khác biệt giữa DLST với các loại hình du lịch khác là ở 5 đặc trưng sau:

- Khi DLST phát triển trên địa bàn phong phú về tự nhiên và văn hóa, đối tượng của DLST là những khu vực hấp dẫn về tự nhiên và văn hóa bản địa. Đặc biệt, những khu tự nhiên còn tương đối hoang sơ, ít bị tác động; Vì vậy hoạt động DLST thích hợp với các khu bảo tồn tự nhiên, VQG .

- Giáo dục cao về môi trường: DLST giúp con người tiếp cận gần gũi hơn với các vùng tự nhiên, các khu bảo tồn, nơi có giá trị cao về ĐDSH. Giáo dục môi trường trong DLST có tác dụng làm thay đổi thái độ của du khách, cộng đồng địa phương và ngành du lịch đối với giá trị bảo tồn. Giáo dục môi trường trong DLST còn được coi là công cụ quản lý hữu hiệu tạo lên sự bền vững cho các khu tự nhiên, VQG. Do đó, DLST là chìa khóa cân bằng giữa sự phát triển du lịch với bảo vệ môi trường khi mà hoạt động du lịch ngày càng gây áp lực lớn tới môi trường.

- Đảm bảo tính bền vững về sinh thái và hỗ trợ bảo tồn: DLST phát triển trên môi trường phong phú về tự nhiên nên hình thức và mức độ sử dụng cho các hoạt động du lịch phải được duy trì và quản lý cho tính bền vững của HST và ngành du lịch. Đặc trưng này thể hiện ở quy mô nhóm khách tham quan thường có số lượng nhỏ, yêu cầu sử dụng tiện nghi thấp. Các hoạt động trong DLST thường gây tác động ít đến môi trường và khi DLST hình thành đã nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ các nguồn tài nguyên, du khách sẵn sàng chi trả cho việc bảo vệ môi trường, thúc đẩy hoạt động bảo tồn và đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Cung cấp kinh nghiệm du lịch với chất lượng cao cho du khách: Nâng cao hiểu biết và kinh nghiệm du lịch cho du khách, đó là sự tồn tại của ngành du lịch đặc biệt là DLST. Vì vậy các dịch vụ du lịch trong DLST tập trung vào để nâng cao nhận thức và kinh nghiệm du lịch hơn là dịch vụ cho nhu cầu tiện nghi.

- Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia và hưởng lợi ích từ hoạt động du lịch. DLST cải thiện đời sống, phát triển thêm lợi ích cho cộng đồng địa phương trên cơ sở về kiến thức, kinh nghiệm thực tế để người dân có khả năng tham gia vào việc quản lý, vận hành dịch vụ DLST. Đây cũng chính là cách để người dân trở thành những người hỗ trợ bảo tồn tích cực bởi họ chính là những người chủ sở hữu các nguồn tài nguyên tại địa phương. Khi đã thu hút được sự quan tâm của người dân địa phương và trao cho họ những quyền lợi sẽ giúp cho các nhà quản lý trong công tác bảo vệ tài nguyên du lịch. Bên cạnh đó DLST sẽ tạo cơ hội việc làm cho người dân cũng như các sản phẩm của địa phương phục vụ du lịch. Giải quyết được vấn đề việc làm cũng chính là giải quyết được sức ép của cộng đồng địa phương lên môi trường, giảm dần việc lệ thuộc quá mức vào khai thác tự nhiên đồng thời nhận thức về giá trị của môi trường được nâng cao.

1.1.3. Các nguyên tắc cơ bản

** Có hoạt động diễn giải nhằm nâng cao hiểu biết về môi trường qua đó tạo ý thức tham gia vào các hoạt động bảo tồn, giảm thiểu các tác động tiêu cực.*

Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động DLST đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường, tạo ra sự khác biệt nổi bật giữa DLST với các loại hình du lịch dựa vào tự nhiên khác. Khi tham gia DLST, du khách được cung cấp những kiến thức, kinh nghiệm và thông tin đầy đủ nhằm nâng cao sự tôn trọng của du khách với môi trường tự nhiên. Từ đó du khách không chỉ được hiểu biết về giá trị của môi trường tự nhiên mà còn hiểu biết về văn hóa bản địa. Với những hiểu biết đó, thái độ cư xử của du khách sẽ thay đổi, được thể hiện bằng những nỗ lực tích cực hơn trong hoạt động bảo tồn và phát triển những giá trị tự nhiên, sinh thái và văn hóa khu vực.

** Bảo vệ môi trường và duy trì HST.*

DLST là mục tiêu hàng đầu của hoạt động du lịch, bởi sự bảo tồn của DLST gắn liền với môi trường tự nhiên và các HST điển hình. Sự xuống cấp của môi trường tự nhiên, sự suy thoái các HST đồng nghĩa với sự đi xuống của DLST. Với nguyên tắc này, mọi hoạt động DLST sẽ phải được quản lý chặt chẽ để giảm thiểu tác động tới môi trường, một phần thu nhập từ hoạt động DLST sẽ được dùng để đầu tư thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và duy trì sự phát triển các HST.

** Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng.*

Các giá trị văn hóa bản địa là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời các giá trị môi trường của HST ở một không gian cụ thể. Sự xuống cấp hoặc thay đổi tập tục, sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương, dưới tác động nào đó sẽ mất đi sự cân bằng sinh thái tự nhiên vốn có của khu vực. Vì vậy, hậu quả của quá trình làm thay đổi HST sẽ tác động trực tiếp đến DLST. Việc tôn trọng, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng địa phương có ý nghĩa quan trọng và là quá trình không thể thiếu trong hoạt động của DLST.

** Tạo cơ hội việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.*

Đây vừa là nguyên tắc vừa là mục tiêu hướng tới của DLST, bởi phần lớn các hoạt động du lịch khác đều ít mang lại lợi ích cho người dân địa phương, điều này dẫn tới sự bất bình đẳng trong xã hội. Tuy nhiên, DLST lại đặc biệt quan tâm tới việc huy động tối đa sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động DLST, cùng chia sẻ lợi nhuận thu được nhằm cải thiện đời sống của người dân nơi đó. Cộng đồng địa phương là những người am hiểu các điều kiện cũng như tài nguyên tại khu vực đó nên họ có thể là những hướng dẫn viên, người cung cấp các dịch vụ cho DLST, bán hàng lưu niệm cho khách, người tuyên truyền và thực hiện công tác bảo tồn... Hơn nữa khi người dân tham gia công tác quy hoạch, quản lý DLST, họ sẽ đóng góp nhiều

ý kiến bổ ích cho những người làm du lịch. Ngược lại, nếu không có sự ủng hộ của người dân thì công tác bảo tồn sẽ không có hiệu quả.

Đối chiếu với các nguyên tắc của du lịch bền vững thì các nguyên tắc của DLST cũng nhằm vào việc tìm hiểu đánh giá mối quan hệ của du lịch trong VQG cũng như lợi ích và những nguy cơ nảy sinh tiêu cực đến môi trường và cộng đồng địa phương trong khu vực VQG là hết sức cần thiết.

1.2. Mối quan hệ giữa phát triển du lịch và VQG

1.2.1. Tác động tích cực từ hoạt động du lịch ở VQG

VQG có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch đặc biệt là DLST, do đó VQG và du lịch có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Những lợi ích mà hoạt động du lịch có thể đem lại cho VQG bao gồm:

* *Bảo tồn thiên nhiên*: Các nguồn thu từ hoạt động du lịch có khả năng tạo một cơ chế tự hoạch toán tài chính cho VQG. Trong đó, có cả việc duy trì bảo tồn HST, diện tích tự nhiên quan trọng, các khu bảo tồn, các VQG.

* *Tăng cường chất lượng môi trường*: Du lịch có thể cung cấp những sáng kiến cho việc làm sạch môi trường thông qua việc kiểm soát chất lượng nước, không khí, đất, ô nhiễm tiếng ồn, rác thải và các vấn đề về môi trường khác. Du lịch còn cải thiện tiện nghi môi trường thông qua các chương trình quy hoạch cảnh quan, thiết kế xây dựng và duy tu bảo dưỡng các công trình kiến trúc.

* *Đề cao môi trường*: Việc phát triển bền vững các cơ sở du lịch được thiết kế tốt sẽ nâng cao giá trị cảnh quan đồng thời khuyến khích mở rộng vùng đất giáp ranh, tạo điều kiện duy trì độ che phủ thực vật tự nhiên, tăng cường bảo vệ môi trường.

* *Cải thiện hạ tầng cơ sở*: Các cơ sở hạ tầng địa phương như sân bay, đường xá, hệ thống điện nước, thông tin liên lạc, xử lý chất thải có thể được cải thiện thông qua hoạt động du lịch.

* *Tăng cường hiểu biết về môi trường* của cộng đồng địa phương cũng như là du khách thông qua việc trao đổi và học tập với nhau. Từ đó mọi người

có nhận thức tích cực hơn trong việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

* *Lợi ích kinh tế*: Du lịch tạo nguồn thu nhập, ngân sách, giải quyết công ăn việc làm, thu hút ngoại tệ... Góp phần làm thay đổi chất lượng cuộc sống cộng đồng, nhất là những người trực tiếp tham gia. Trong đó, bao gồm cải thiện những dịch vụ xã hội, y tế, nhà cửa, hệ thống cung cấp điện nước...

* *Giao lưu, trao đổi văn hóa*: Tạo điều kiện giao lưu, hiểu biết lẫn nhau giữa cộng đồng địa phương với các quốc gia, phá vỡ những ngăn cách về văn hóa, dân tộc giữa du khách và người dân địa phương. Góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của cả hai phía cũng như sự hiểu biết và hợp tác trong nhiều lĩnh vực khác như: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội...

1.2.2. Tác động tiêu cực có thể mang lại do hoạt động du lịch ở VQG

* *Tác động lên thổ nhưỡng*: Do hoạt động đi bộ, cắm trại, khai phá và chuyển đổi mục đích sử dụng các vùng đất tự nhiên để xây dựng khách sạn, đường xá, khu vui chơi giải trí... gây ảnh hưởng tới cấu trúc địa chất, không gian sống của hệ sinh vật và người dân địa phương. Nếu cơ sở hạ tầng được thiết kế và quy hoạch lớn hơn nhu cầu mà mức sử dụng thấp sẽ gây thừa lỗ hoặc dẫn đến việc tăng giá cả bất hợp lý.

* *Tác động vào tài nguyên nước*: Việc tập trung một lượng khách du lịch lớn sẽ gây sức ép tới tài nguyên nước của địa phương. Thêm vào đó là lượng nước thải gia tăng tỉ lệ thuận với lượng nước cấp. Nếu không có hệ thống thu gom nước thải và xử lý chất thải triệt để sẽ làm giảm chất lượng nguồn nước của khu du lịch và vùng lân cận.

* *Ô nhiễm không khí*: Du lịch được coi là ngành “du lịch không khói”, tuy nhiên du lịch có thể gây ô nhiễm không khí qua khí thải của động cơ xe máy, tàu thuyền, ô tô đặc biệt là các khu vực trọng điểm và trục giao thông chính.

* *Tác động lên hệ động thực vật*: Hoạt động du lịch, giải trí có thể tạo ra tác động đến thực vật như bẻ cành, giẫm đạp, khí thải từ phương tiện giao thông khiến động vật hoảng sợ, thay đổi diễn biến sinh hoạt, địa bàn cư trú,

sinh sống của chúng. Nghiêm trọng hơn là nhu cầu tiêu dùng xa xỉ các món ăn từ đặc sản động vật của khách du lịch dẫn đến việc săn lùng, buôn bán làm giảm đáng kể số lượng quần thể động vật và cuối cùng là thay đổi cấu trúc hệ sinh thái ban đầu.

* *Ảnh hưởng tới kinh tế – xã hội địa phương*: Sự phát triển du lịch quá mức sẽ gây ảnh hưởng tới lối sống truyền thống của dân cư địa phương:

- Làm đảo lộn cấu trúc xã hội.
- Gây căng thẳng về xã hội, ảnh hưởng đến cuộc sống cá nhân.
- Góp phần làm mai một nền văn hóa vì những thái độ ứng xử bất thường của khách với dân địa phương.
- Tăng thêm những vấn đề xã hội như: cờ bạc, nghiện, mại dâm, trộm cắp...

Để tránh những tác động của du lịch thông thường việc thiết kế một cách khoa học phát triển DLST, đảm bảo các yêu cầu cơ bản là cần thiết trước khi khuyến khích mở một khu tự nhiên.

1.3. Tiềm năng DLST của các VQG

1.3.1. Hệ thống VQG là tài nguyên phát triển DLST

Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới đã đưa ra định nghĩa về VQG, đó là một vùng lãnh thổ tương đối rộng trên đất liền hay trên biển mà ở đó có một hay một vài HST không bị thay đổi lớn do sự khai thác hoặc chiếm lĩnh của con người. Các loài động thực vật, các đặc điểm hình thái, địa mạo và nơi cư trú của các loài hoặc cảnh quan thiên nhiên đẹp là mối quan tâm cho nhà nghiên cứu khoa học, cho giáo dục và giải trí. Ở đó cũng có ban quản lý thực hiện các đặc trưng về sinh thái và cảnh quan. Khách du lịch được phép đến thăm với những điều kiện mà đặc biệt cho mục đích nghiên cứu, giáo dục, văn hóa, giải trí và lòng ngưỡng mộ. [3]

Hệ thống các VQG, khu bảo tồn được thành lập nhằm mục đích chính là bảo vệ các khu cảnh quan tự nhiên quan trọng, bảo tồn ĐDSH và tính toàn vẹn lãnh thổ. Duy trì bền vững trạng thái tự nhiên hay gần như tự nhiên của

các vùng văn hóa điển hình của các quần thể sinh vật phục vụ nghiên cứu khoa học và giáo dục, đặc biệt tạo môi trường phát triển du lịch. VQG trở thành nguồn tài nguyên du lịch quan trọng cho phát triển DLST bởi tính hấp dẫn của VQG cho loại hình du lịch này. Đó là sự phong phú của tự nhiên, sự đa dạng về HST và cảnh quan đẹp của địa phương.

1.3.2. Các tiêu chí đánh giá tiềm năng DLST của VQG

** Những VQG được ưu tiên lựa chọn để phát triển DLST cần:*

- Có tính đại diện cao cho một hoặc vài HST điển hình với tính ĐDSH. Có sự tồn tại của những loài sinh vật đặc hữu có giá trị khoa học và tham quan nghiên cứu. Việc tham quan và nghiên cứu có khả năng tổ chức tốt trong những điều kiện tự nhiên ít bị ảnh hưởng nhất.

- Gần những trung tâm du lịch (thị trường khách) lớn, có điều kiện tiếp cận dễ dàng và thuận lợi.

- Có cảnh quan tự nhiên đẹp, hấp dẫn cùng với sự phong phú và độc đáo của các giá trị văn hóa bản địa có tính đại diện cho khu vực.

- Gần với những điểm du lịch hấp dẫn khác trong vùng để có thể tổ chức một tour du lịch trọn gói mà VQG sẽ là một điểm DLST quan trọng.

- Có những điều kiện về hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng được hoạt động du lịch.

Trong quá trình xem xét lựa chọn, căn cứ vào những nguyên tắc chung trên, có thể đặt ra những câu hỏi cụ thể sau:

** VQG (khu bảo tồn) có:*

- Các loài sinh vật đặc hữu không?

- Bao nhiêu loài sinh vật có khả năng thu hút sự quan tâm của khách du lịch?

- Có các loài động vật hoang dã hay không?

** Khả năng quan sát các loài sinh vật, đặc biệt các loài thú hoang dã:*

- Có luôn đảm bảo điều kiện quan sát tốt không?

- Chỉ có thể quan sát được với một số điều kiện nhất định?

- Không có khả năng quan sát?

* Trong VQG (khu bảo tồn) có:

- Nhiều điểm tham quan hấp dẫn đặc biệt?
- Một vài điểm tham quan hấp dẫn?
- Rất ít, thậm chí không có điểm tham quan hấp dẫn?

* Trong VQG (khu bảo tồn) có:

- Điểm tham quan cảnh quan đẹp, độc đáo duy nhất so với các VQG và khu bảo tồn thiên nhiên khác?

- Cảnh quan hơi khác so với các VQG, các khu bảo tồn thiên nhiên khác?
- Cảnh quan tương tự như ở các VQG, khu bảo tồn khác?

* Trong khu vực VQG có:

- Nhiều giá trị văn hóa bản địa có tính độc đáo, hấp dẫn cao?
- Một số đặc trưng văn hóa hấp dẫn?
- Rất ít các giá trị văn hóa hấp dẫn?

* Vị trí của VQG so với trung tâm du lịch chính của vùng:

- Gần (<50 km)?
- Không xa lắm (50 – 100 km)?
- Cách xa (100 – 150 km)?

* Khả năng tiếp cận VQG:

- Dễ dàng và thuận tiện?
- Hơi khó khăn?
- Khó khăn và nguy hiểm?

* Vị trí của VQG so với các điểm du lịch khác trong vùng (trong vòng bán kính <50 km):

- Gần với nhiều điểm du lịch hấp dẫn khác?
- Chỉ gần với một số điểm?
- Chỉ gần một hoặc không có điểm du lịch hấp dẫn nào?

* Cảnh quan ở khu vực phụ cận VQG:

- Có nhiều cảnh quan đẹp và hấp dẫn?
- Có một số điểm cảnh quan hấp dẫn?

- Cảnh quan bình thường không có gì hấp dẫn?

* *Điều kiện hạ tầng cơ sở và cơ sở vật chất kỹ thuật trong phạm vi VQG:*

- Rất tốt?

- Bình thường?

- Không tốt còn nhiều khó khăn?

Như vậy tiềm năng của một VQG hay khu bảo tồn đối với phát triển DLST là rất lớn, tuy vậy tiềm năng này có khả năng phát huy hay không còn tùy thuộc vào khả năng khai thác, quản lý của các nhà quy hoạch, điều hành du lịch trong việc phối hợp với các nhà quản lý VQG và cộng đồng.

1.4. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu

1.4.1. Các quan điểm nghiên cứu

* *Quan điểm DLST*

DLST đúng hơn là một triết lý, là những hoạt động và nguyên tắc nếu không được hiểu đúng, nó sẽ làm thay đổi phương thức đi du lịch. Vận dụng quan điểm này vào đề tài, không nên nhìn nhận DLST như một loại hình du lịch thông thường mà là một định hướng trong hoạt động du lịch. Sẽ không tồn tại một tuyến DLST hay một khu DLST cụ thể vì DLST hay phi DLST hoàn toàn phụ thuộc vào hoạt động thực tiễn của con người. Nếu hoạt động đó là bảo vệ môi trường, đóng góp cho công tác bảo tồn thì nó sẽ được coi là đang đi theo hướng DLST. Một khách du lịch tham gia vào một “tour DLST” không có nghĩa người đó đương nhiên là một khách DLST.

* *Quan điểm hệ thống*

Tất cả các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đều nằm trong một hệ thống. Xét trên góc độ kinh tế, DLST là một sản phẩm kinh doanh nên phải có sức hấp dẫn khách du lịch, mang lại lợi ích cho những người kinh doanh du lịch nhưng nên phù hợp với chiến lược phát triển tổng thể của địa phương, vùng hay quốc gia. Trên phương diện bảo tồn, DLST là một dụng cụ và cần kết hợp với các công cụ khác, ví dụ như giao khoán rừng cho cộng đồng địa phương, thuê lao động địa phương vào làm việc cho VQG, khu bảo tồn thiên nhiên,

các trung tâm cứu hộ...Hỗ trợ cộng đồng địa phương phát triển một số ngành nghề có triển vọng cũng là một cụ hữu ích của bảo tồn.

** Quan điểm tổng hợp lãnh thổ*

Tất cả mọi hoạt động không thể tách rời một lãnh thổ cụ thể. Theo E.A.Kotliarov (1978), thể tổng hợp lãnh thổ du lịch là sự kết hợp giữa các cơ sở du lịch với các cơ sở thuộc kết cấu hạ tầng, được liên kết với nhau bằng mối liên hệ kinh tế của lãnh thổ. Theo quan điểm này thì lãnh thổ du lịch là một hệ thống liên kết không gian các đối tượng du lịch trên cơ sở các nguồn tài nguyên, các dịch vụ du lịch. Quan điểm này được áp dụng trong việc phân tích các tiềm năng cho hoạt động phát triển du lịch của VQG Bái Tử Long trong mối quan hệ tổng hợp các yếu tố. Quan điểm này cũng luôn được chú trọng khi đánh giá các hoạt động du lịch và vấn đề bảo tồn môi trường tự nhiên.

** Quan điểm kinh tế sinh thái*

Một trong những vấn đề quan trọng của du lịch nói chung và DLST nói riêng là bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên và đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Vì vậy, việc phát triển du lịch nhằm mục tiêu hiệu quả kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường du lịch, hai mặt không thể tách rời của chính sách phát triển kinh tế sinh thái toàn vẹn. Vận dụng hai quan điểm này, tính toàn vẹn lãnh thổ của HST phải được coi trọng, trong đó các tác động của hoạt động du lịch đến khả năng chịu đựng của HST cần được tính đến. Đảm bảo sự phát triển của DLST trên cơ sở hiệu quả về kinh tế và bảo tồn môi trường tự nhiên một cách bền vững.

** Quan điểm lịch sử*

Nghiên cứu quá khứ để có được những đánh giá đúng đắn hiện tại, phân tích nguồn gốc phát sinh, phát triển là cơ sở đưa ra các dự báo về xu hướng phát triển. Quan điểm này được vận dụng trong quá trình phân tích các giai đoạn chủ yếu của quá trình hình thành, phát triển hệ thống du lịch, các phân hệ cũng như xu hướng phát triển của hệ thống lãnh thổ.

1.4.2. Phương pháp nghiên cứu

** Phương pháp khảo sát thực địa, thu thập tài liệu*

Quá trình thực địa giúp các nhà nghiên cứu kiểm chứng những tài liệu đã bổ sung những thông tin còn thiếu, thông tin chưa chính xác, đồng thời thu thập và tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư, quan điểm của các cấp lãnh đạo. Những tư liệu thực tế điều tra là nguồn tư liệu quý giá khẳng định kết quả nghiên cứu.

** Phương pháp thống kê và phân tích tài liệu*

Phương pháp thống kê chỉ được áp dụng trong giai đoạn nghiên cứu sơ bộ thu thập tài liệu, các bài báo cáo đã có về khu vực...mà còn sử dụng trong quá trình phân tích chọn lọc, xử lý số liệu phục vụ mục đích nghiên cứu. Những tài liệu thông tin luôn được bổ sung, cập nhật, đảm bảo cơ sở cho việc xử lý, phân tích, đánh giá các vấn đề cho nội dung nghiên cứu.

** Phương pháp điều tra XHH*

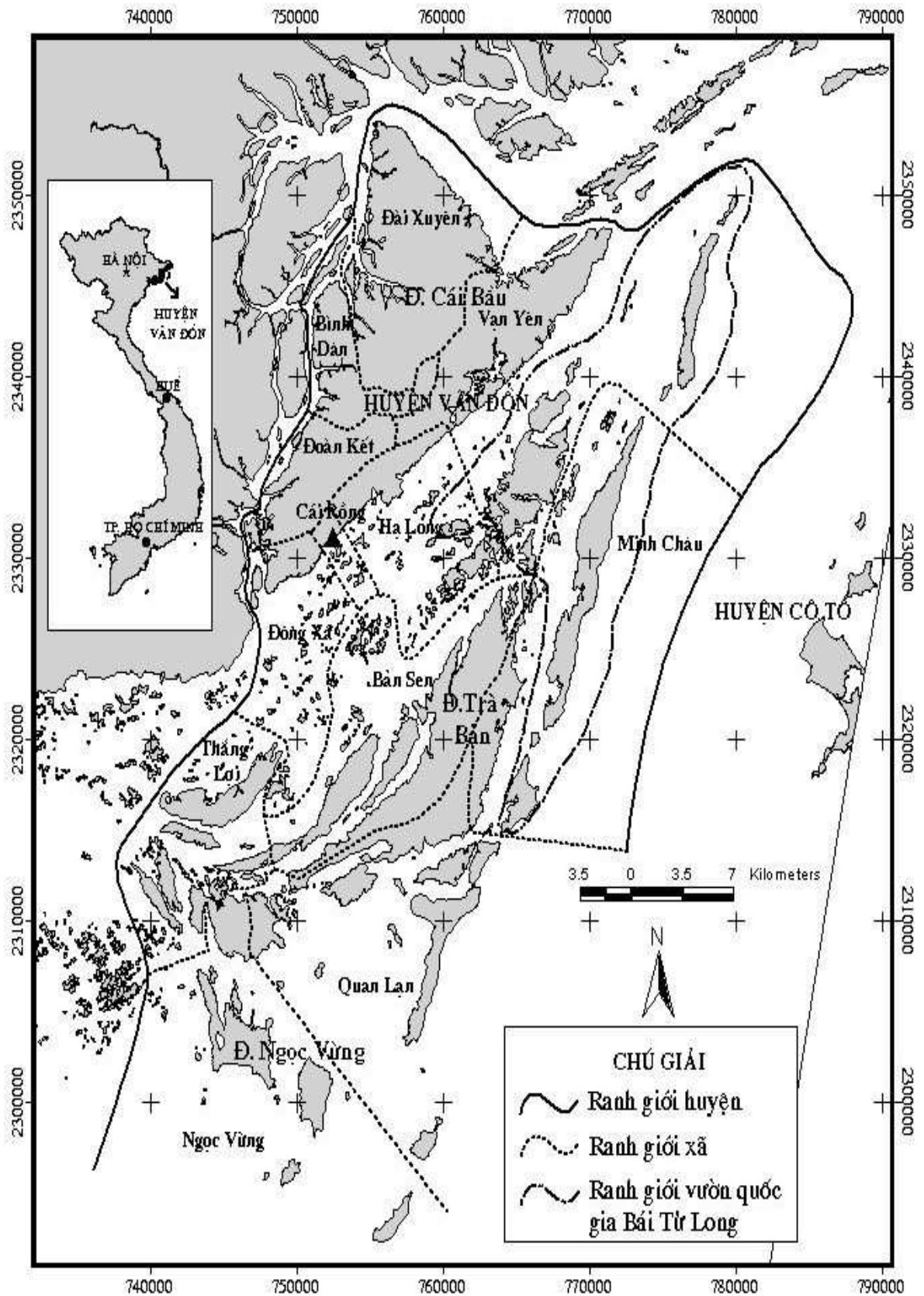
Phương pháp điều tra XHH nhằm khảo sát đặc điểm xã hội của các đối tượng du lịch. Phương pháp này dùng để lấy ý kiến của cộng đồng, du khách, các chuyên gia, thành viên tham gia vào du lịch. Nghề nghiệp, tuổi, trình độ học vấn và thành phần du khách, sở thích của du khách cũng như mức độ tham gia của cộng đồng vào các hoạt động du lịch. Để tìm hiểu về những vấn đề trên thì phương pháp nghiên cứu tốt nhất là phương pháp điều tra XHH, thông qua việc phỏng vấn trực tiếp người dân địa phương và du khách. Qua đó có những thông tin mang tính chi tiết, cá nhân cao, phục vụ tốt hơn cho việc làm du lịch tại các khu vực là VQG.

** Phương pháp phân tích tổng hợp*

Phương pháp này được áp dụng thông qua việc tổ hợp các nguồn tài liệu, số liệu, các kết quả điều tra XHH cùng các khảo sát thực tế, phân tích để thấy được tiềm năng, thực lực phát triển du lịch và thấy được mức độ phức tạp của lãnh thổ.

Tiểu kết chương 1

DLST phát triển trên cơ sở những khu vực tự nhiên hấp dẫn và lợi ích đem lại thường lớn hơn các loại hình du lịch khác. Phát triển loại hình DLST góp phần nâng cao nhận thức về hỗ trợ giá trị bảo tồn HST, văn hóa bản địa, nâng cao nhận thức quản lý và góp phần cải thiện nền kinh tế địa phương. Song phát triển tiềm năng DLST cần có định hướng mục tiêu lâu bền, để đạt được các tiêu chí đánh giá tài nguyên nói chung và để có thể đưa ra những nhận định hợp lý cho phát triển loại hình DLST nói riêng, đặc biệt là tại VQG Bái Tử Long. **“Đánh giá tiềm năng phát triển DLST của VQG Bái Tử Long, tỉnh Quảng Ninh”** nhằm phát huy tiềm năng và thế mạnh của loại hình DLST một cách hiệu quả, đồng thời giúp giải quyết những vấn đề đang tồn tại trong quá trình khai thác tài nguyên, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp có hiệu quả và phát triển theo hướng bền vững.



Hình 1: VQG vị trí địa lý và ranh giới hành chính VQG Bái Tử Long

CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI CỦA VƯỜN QUỐC GIA

2.1. Khái quát chung VQG Bái Tử Long

VQG Bái Tử Long nằm trong Vịnh Bái Tử Long và sát cạnh Di sản thiên nhiên thế giới là vịnh Hạ Long. VQG Bái Tử Long là VQG thứ 12 trong danh sách 30 VQG được thành lập ở Việt Nam (theo thứ tự thành lập), và là một trong 7 VQG vừa có diện tích trên cạn vừa có diện tích biển.

Từ truyền thuyết đến chính sử, cũng như từ huyền thoại đến hiện thực đều chứng tỏ vịnh Hạ Long và Bái Tử Long là một hệ thống nhất trong vùng biển Đông Bắc với nhiều giá trị lịch sử văn hóa và tự nhiên nổi trội.

Truyền thuyết kể rằng: Xưa kia, khi người Việt mới dựng nước đã bị giặc ngoài xâm. Ngọc Hoàng sai Rồng mẹ mang theo một đàn Rồng con xuống hạ giới giúp người Việt đánh giặc. Lúc đàn Rồng tới hạ giới cũng chính là lúc thuyền giặc từ biển ào ạt tiến vào bờ. Đàn Rồng lập tức phun vô số châu ngọc và thoát biến thành muôn vàn đảo đá trên biển, bắt chờ chặn bước tiến của thuyền giặc. Sau khi giặc tan, Rồng mẹ và Rồng con không trở về mà ở lại hạ giới. Vị trí Rồng mẹ hạ xuống là Hạ Long, nơi Rồng con hạ xuống là Bái tử Long. Đuôi đàn Rồng quấy nước trắng xóa là Bạch Long Vĩ (bán đảo Trà Cổ ngày nay) với bãi cát mịn dài hơn chục cây số.

Vịnh Hạ Long và Bái tử Long là một trong những cái nôi của người Việt cổ với nền văn hóa Hạ Long huy hoàng thời Hậu kỳ đồ đá mới, được minh chứng bằng nhiều di chỉ khảo cổ đó được phát hiện ở 37 điểm khác nhau như hang Hà Giắt, đảo Ngọc vùng, hang Soi Nhụ, hang Đông Trong thuộc huyện Vân Đồn. Với hàng nghìn đảo lớn nhỏ che chắn tạo ra nhiều cảng biển và luồng lạch đi lại cho tàu thuyền nước ngoài và Việt Nam, thương cảng cổ Vân Đồn ở thế kỷ 12 là thương cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm nhiều bến cảng nằm rải rác từ Quan Lạn đến đảo Cống Tây thuộc di sản vịnh Hạ Long.

Trận đánh đoàn thuyền lương của quân xâm lược Nguyên Mông năm 1288 do danh tướng Trần Khánh Dư chỉ huy diễn ra từ Quan Lạn, dọc sông Mang về tận Cửa Lục: năm trăm tàu thuyền của giặc bị đánh chiếm và bốc cháy, góp phần cho thắng lợi vang dội của trận Bạch Đằng lịch sử, đánh gục dã tâm xâm lược của giặc Nguyên Mông. Ngày nay, các luồng lạch này vẫn là cửa ngõ ra vào của nhiều tàu hàng và tàu khách du lịch vào nước ta qua cảng Bãi Cháy và Cái Lân.

Trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm và bao thăng trầm khác của lịch sử, những giá trị đặc sắc về cảnh quan tự nhiên về ĐDSH và các giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa của Hạ Long và Bái tử Long vẫn được bảo tồn nguyên vẹn.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Quần thể sinh thái tự nhiên (Thực vật và động vật) trên đảo Ba Mùn thuộc huyện đảo Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh được chính phủ xếp hạng là rừng cấm Quốc gia theo quyết định 41/TTg ngày 24/01/1997. Trước những năm 70 của thế kỷ 20, tài nguyên thực vật rừng và quần thể động vật hoang dã trên đảo Ba Mùn và các đảo kế cận rất phong phú về chủng loại và số lượng cá thể loài, tạo nên cảnh quan HST độc đáo và thơ mộng của vùng đảo nổi trong Vịnh Bái Tử Long. Năm 1999, Chính phủ đã chính thức phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên đảo Ba Mùn. Đến năm 2001, do những giá trị đặc trưng mang tính ĐDSH cao của đảo Ba Mùn và khu vực lân cận, Thủ tướng chính phủ đã ra quyết định số 85/2001/QĐ-TTg ngày 01 tháng 06 năm 2001 thành lập VQG Bái Tử Long, trên cơ sở chuyển hạng và mở rộng khu bảo tồn thiên nhiên Ba Mùn. Thực hiện các quyết định của Thủ tướng chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 24 tháng 04 năm 2002, Ban quản lý VQG Bái Tử Long đó chính thức ra đời và đi vào hoạt động.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

Biên chế hiện nay (năm 2009) của Ban quản lý VQG Bái Tử Long gồm 48 cán bộ, nhân viên. Trong đó:

Bảng 2.1: Cơ cấu tổ chức nhân sự VQG Bái Tử Long

TT	Chức danh	Số lượng
1	Ban lãnh đạo	02
2	Văn phòng	08
3	Phòng khoa học kỹ thuật và Hợp tác quốc tế	05
4	Phòng khai thác du lịch	05
5	Phòng bảo tồn thiên nhiên	05
6	Hạt kiểm lâm (trung tâm dịch vụ DLST, giáo dục môi trường và trung tâm cứu hộ động vật hoang dã chưa thành lập)	23

Nguồn: Phòng hành chính tổng hợp VQG Bái Tử Long

2.1.3. Vị thế của VQG Bái Tử Long cho phát triển DLST

Trên phạm vi cả nước trong 29 tỉnh, thành phố ven biển thì Quảng Ninh đứng thứ 4 về số lượng khách du lịch quốc tế và là một trong 6 trung tâm du lịch biển quan trọng có ý nghĩa quốc gia và khu vực: Hạ Long – Bái Tử Long, Cát Bà, Đồ Sơn (Quảng Ninh – Hải Phòng); Huế - Đà Nẵng – Lao Bảo; Nha Trang - Ninh Chữ - Đà Lạt; Vũng Tàu – Long Hải – Côn Đảo; thành phố Hồ Chí Minh và vùng phụ cận; Hà Tiên – Phú Quốc. [2]

Các trung tâm du lịch biển lớn của khu vực Đông Bắc như: trung tâm du lịch Hạ Long, Cát Bà, Đồ Sơn có mối quan hệ mật thiết trong sự phát triển bền vững của tam giác tăng trưởng phía Bắc – dải hành lang công nghiệp. Có trục đường 18 Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, gần 2 cửa khẩu lớn của Đông Bắc là Lạng Sơn, Móng Cái.

Trong quy mô của khu vực thì VQG Bái Tử Long là 1 trong 5 cụm di lịch chính của tỉnh Quảng Ninh: cụm du lịch Hạ Long – Cát Bà, cụm du lịch Yên Tử, cụm du lịch Móng Cái, cụm du lịch Cô Tô và cụm du lịch Bái Tử Long.

Trong đó cụm du lịch Hạ Long – Cát Bà có sức hút du lịch rất lớn, vịnh Bái Tử Long là tâm điểm cho chương trình phát triển bền vững du lịch của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2002 – 2010, đạt mục tiêu 6 triệu khách trong đó 50% là khách quốc tế. Đặc biệt, nằm gần VQG Cát Bà với những kinh nghiệm phát triển bền vững DLST rất thành công. Đây là tiền đề cơ bản cho hoạt động DLST của VQG Bái Tử Long phát triển.

2.2. Các điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên

2.2.1. Vị trí địa lý

Khu VQG có khung tọa độ địa lý: Từ 20°55'05'' đến 21°15'10'' vĩ độ bắc, từ 107°46'20'' kinh độ đông. Ranh giới VQG Bái Tử Long được xác định trên vùng biển tương ứng với thêm lục địa phía ngoài của hệ thống các đảo cách bờ 1 km, giáp với các huyện và xã sau:

Phía bắc giáp 2 huyện Đầm Hà, Hải Hà tỉnh Quảng Ninh. Phía nam giáp một số đảo thuộc các xã Bản Sen, Quan Lạn huyện Vân Đồn. Phía đông giáp phần biển giữa hai huyện Vân Đồn, Cô Tô tỉnh Quảng Ninh. Phía tây giáp các xã trên đảo Cái Bầu huyện Vân Đồn.

Phạm vi VQG Bái Tử Long dựa trên cơ sở chuyển hạng khu bảo tồn thiên nhiên Ba Mùn. Tổng diện tích của VQG Bái Tử Long là 15.783 ha; trong đó, diện tích biển chiếm 9.658 ha, còn lại 6.125 ha là diện tích các đảo nổi. Phần đảo bao gồm cả đảo đất và đảo đá vôi, với hơn 40 hòn đảo lớn nhỏ, chia thành 3 cụm đảo chính: Ba Mùn, Trà Ngộ và Sậu. Phần biển bao gồm phần lạch biển giữa các đảo và phần biển phía ngoài của các đảo theo đường ranh giới cách bờ trung bình là 1 km. Các lạch biển chính gồm: lạch Cái Quýt, lạch Cái Đé và một phần lạch sông Mang. Diện tích vùng đệm VQG Bái Tử Long là 16.534 ha nằm trên 5 xã: Vạn Yên, Minh Châu, Hạ Long, Bản Sen, Quan Lạn.

Những lợi thế về vị trí địa lý, địa hình, địa mạo đã tạo ra cho VQG Bái Tử Long những giá trị đặc sắc không chỉ về ĐDSH, cảnh quan thiên nhiên mà còn về giá trị lịch sử, văn hóa. Đây chính là những tiềm năng và lợi thế cho

việc phát triển DLST tại VQG Bái Tử Long, đồng thời nhằm hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn thiên nhiên và cải thiện sinh kế cho người dân đang sống ở vùng lõi và vùng đệm của VQG.

2.2.2. Địa hình - địa mạo

** Địa hình địa mạo phần đảo*

- Kiểu địa hình đồi thấp: bao gồm những đỉnh cao trên dưới 300 m so với mặt nước biển (các đỉnh cao 320 m trên đảo Trà Ngỏ Nhỏ, 314 m trên đảo Ba Mùn, 232 m trên đảo Sâu Nam). Hình thể các đảo nói chung là hẹp về chiều ngang, phân bố thành dải dài theo hướng Đông Bắc – Tây Nam trùng với phương của cấu trúc địa chất, nằm song song với bờ biển của đất liền, tạo nên một vòng cung đảo rất hấp dẫn khi nhìn trên bản đồ hoặc trên máy bay.

+ Ngoài giá trị thẩm mỹ, dải đảo này còn giá trị quan trọng về mặt phòng hộ, nó sừng sững như một bức tường chắn sóng, chắn mưa bão che chở cho các khu vực bên trong nhất là đảo Cái Bàu. Độ dốc hai bên sườn của các đảo ở phía ngoài có sự phân hóa rõ rệt. Sườn đông là dãy Ba Mùn, Sâu Nam dốc, vách núi gần như dựng đứng sát mép biển, trong khi sườn tây khá thoải. Độ dốc trung bình 25 – 30°. Diện tích các kiểu địa hình này chiếm tới 67,78% tổng diện tích các đảo nổi.

+ Đây là kiểu địa hình mà hầu như chưa có sự xuất hiện của con người, cảnh vật tại đây còn hoang vu và bí ẩn, lại thêm sự đối xứng của địa hình hai bên sườn càng làm cho cảnh quan thêm hùng vĩ. Tạo điều kiện phát triển bền vững loại hình Trekking – loại hình du lịch đặc thù là đi bộ hay leo núi mạo hiểm để thưởng thức, khám phá vẻ đẹp của tự nhiên.

- Kiểu địa hình Karst : thuộc đai thấp, phân bố chủ yếu ở phía Nam đảo Trà Ngỏ Lớn với đỉnh cao 280 m, địa hình là những khối không liên tục tạo nên các hang động, thung áng lớn (Thung áng Cái Đé, hang Dơi, hang Soi Nhụ...) và một số đảo độc lập, vách thẳng đứng. Diện tích địa hình karst chiếm 22,54%. Đây là dạng địa hình đặc sắc của các đảo vùng VQG Bái Tử Long rất tiềm năng cho phát triển DLST.

- Địa hình tích tụ: Gồm các bãi cát, bãi triều ven chân các đảo kéo dài 30 – 70m ngập triều theo chu kỳ. Một số đảo còn nhiều vũng vịnh Bái Tử Long rộng, có chỗ sâu là nơi leo đậu của tàu thuyền, diện tích khá lớn như vũng Cái Quýt, vũng Ô Lợn, chân đảo Ba Mùn. Kiểu địa hình này rất thích hợp cho loại hình du lịch nghỉ dưỡng như tắm biển, đi bộ, chơi các môn thể thao biển, cắm trại trên bãi cát, câu mực tại các vũng...

** Địa hình địa mạo phần đáy biển*

Nằm giữa các đảo là hệ thống các lạch biển có địa hình khá phức tạp. Đây được ví như những lòng sông cổ dưới đáy biển giúp tàu thuyền đi lại dễ dàng. Có 2 hệ thống lạch định hướng Tây Bắc - Đông Nam (sâu 32m ở giữa hòn Sâu Đông và Sâu Nam, 22m ở Cửa Nội, 20m ở Cửa Đối) và hệ thống lạch định hướng Đông Bắc – Tây Nam (sâu 5 – 15m).

Đa dạng địa hình là một yếu tố quan trọng của đa dạng tự nhiên làm nên sức hút du lịch tại các đảo tại VQG Bái Tử Long đặc biệt là loại hình DLST.

2.2.3. Các thành tạo địa chất

Thành tạo địa chất cổ nhất trong VQG Bái Tử Long là các đá cuội kết, sạn kết, cát kết dạng quaczit, bột kết, đá phiến sét, đá phiến silic, sét vôi, đá vôi màu nâu đỏ, xám nâu thuộc loạt Sông Cầu (D_{1sc}) tạo nên các đảo đá Sâu Đông, Sâu Nam, phần đông nam đảo Ba Mùn. Tiếp theo là các đá cát kết thạch anh, cát kết dạng quaczit, bột kết, phiến sét, phiến silic và sét vôi thuộc hệ tầng Dương Động (D_{1-2dd}). Tạo nên Hòn Chín, Đông Ma, Trà Ngộ Nhỏ, phần tây bắc đảo Trà Ngộ Lớn, Hòn Vành, phần tây bắc đảo Ba Mùn và hòn Lỗ Hố. Đá vôi phân lớp màu xám sẫm xen đá silic vôi và sét vôi thuộc hệ tầng Bản Páp (D_{2bp}) tạo nên phần đông nam đảo Trà Ngộ Lớn và các đảo nhỏ khác phân bố rải rác trong phạm vi VQG. [7]

2.2.4. Khí hậu thủy văn

** Nhiệt độ không khí*

VQG Bái Tử Long chịu ảnh hưởng chung của vùng nhiệt đới gió mùa cận chí tuyến bắc có mùa đông lạnh từ tháng 10 tới tháng 3 năm sau và mùa hè

nắng nóng từ tháng 5 tới tháng 8; Tháng 4 và tháng 9 là thời kỳ chuyển tiếp với khí hậu ôn hòa. Theo số liệu quan trắc của 4 trạm Khí tượng khu vực xung quanh (trạm Móng Cái, Tiên Yên, Cô Tô và Cửa Ông) trong thời gian 1956 – 2003 cho thấy nhiệt độ trung bình năm trong khoảng 22,4 – 22,8°C, trong khoảng thời gian nóng nhất vào các tháng 6 – 8 và đặc biệt vào tháng 7. [1]

** Gió*

Chịu ảnh hưởng chung của vùng nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh. Tốc độ gió trung bình của khu vực thay đổi giữa các trạm quan trắc trong khoảng 1,7 – 4,3 m/s và tốc độ gió lớn nhất trong khoảng 40 – 47 m/s. Do không chịu ảnh hưởng của địa hình, gió tại Cô Tô luôn có tốc độ cao hơn và ổn định hướng hơn so với các trạm ven bờ.

** Bão và áp thấp nhiệt đới*

Khu vực VQG Bái Tử Long nằm trong vùng ảnh hưởng chung của bão và áp thấp nhiệt đới từ Quảng Ninh tới Ninh Bình, kể cả khu vực Đông Hưng của Trung Quốc. Trong thời gian 1884 – 1997, có 403 cơn bão và áp thấp nhiệt đới xảy tới vùng bờ biển Việt Nam, trong đó vùng bờ biển Quảng Ninh – Ninh Bình chiếm 31%, lớn nhất trong số 5 vùng ảnh hưởng (Nguyễn Văn Viêt, 1985). [1]

** Các hiện tượng thời tiết đặc biệt*

- Gió mùa đông bắc: Hàng năm có tới 20 – 25 đợt gió mùa đông bắc ảnh hưởng tới khu vực từ tháng 9 tới tháng 4 năm sau nhưng chủ yếu trong các tháng 11, 12 và tháng 1 năm sau. Nhiệt độ giảm 4 – 5°C và thậm chí 10°C trong các đợt gió mùa đông bắc và kéo dài thường 3 – 4 ngày. Tốc độ gió trung bình 5 – 10 m/s, cao nhất tới 15 m/s.

- Đông xuất hiện trong khu vực tương đối nhiều so với các nơi khác của vùng bờ biển Việt Nam với số ngày đông trong khoảng 65,6 – 94,7 mỗi năm. Thời kỳ nhiều đông vào các tháng 5 – 9, chủ yếu vào các tháng 6 – 8.

- Các hiện tượng thời tiết đặc biệt khác: Kết quả quan trắc của các trạm trong khu vực trong thời gian 1956 – 1999 cho thấy hầu như không có mưa đá và

sương muối, trong khi mưa phùn có 12,0 – 18,6 ngày/năm chủ yếu vào các tháng 1 – 4 và có 10,8 – 32,6 ngày, sương mù mỗi năm chủ yếu vào các tháng 1–3.

2.2.5. Sóng và nhiệt độ nước biển

** Sóng*

Chế độ sóng khác nhau giữa bờ đông hệ thống đảo chắn ngoài và vùng nước trung tâm VQG Bái Tử Long. Ở vùng biển phía đông, độ cao sóng tương đối lớn, đạt trung bình 0,82 m cả năm và trung bình riêng các tháng chưa tới 1,0 m. Sóng hợp với trường gió theo mùa, có hướng đông vào thời kỳ chuyển tiếp. Sóng hướng tây, tây nam hay tây bắc rất hiếm. Độ cao sóng lớn nhất có thể tới 4 m trong bão.

** Nhiệt độ nước biển*

Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình năm đạt khoảng 22 - 24° C, cao hơn vào các tháng mùa hè (tháng 5 - 10), đạt trung bình khoảng 28°C. Vào các tháng mùa đông nhiệt độ thấp hơn, thấp nhất vào tháng 01 thì trung bình khoảng 17,8° C.

Trong đợt khảo sát vào tháng 9/2003, nhiệt độ nước đo được tại các trạm tương đối ổn định, trong khoảng 29 - 31° C, còn trong đợt khảo sát vào tháng 5/2004, nhiệt độ đo được nằm trong khoảng 27 - 29°C. [7]

2.2.6. Tài nguyên sinh vật

2.2.6.1. Các HST của VQG Bái Tử Long

Ngoài giá trị về ĐDSH, các HST VQG Bái Tử Long còn có giá trị cảnh quan. Chỉ thống kê những HST có giá trị cao trong bảo tồn, nghiên cứu khoa học và du lịch thì vùng sinh thái VQG Bái Tử Long được chia thành các kiểu HST sau:

** HST rừng lá rộng thường xanh nhiệt đới trên đảo đá vôi:* gồm các quần thể động, thực vật hình thành và phát triển bền vững trên đảo đá vôi. HST bao gồm nhiều loài thực vật chịu hạn với các quần thể thực vật ưu thế thuộc họ dâu tằm, các quần thể phát dụ núi dựng đứng. Các loài thực vật đặc trưng gồm: trai, lý, Tuế đá vôi, Lan hải vệ nữ hoa vàng, Kim giao núi đá, Lát

hoa... HST này còn nổi bật với nhiều cảnh quan thiên nhiên phong phú và hấp dẫn được tạo nên bởi hệ thống Karst và hình thù đa dạng của núi đá vôi trên biển. Đây thực sự là một tiềm năng lớn để phát triển bền vững DLST.

* *HST rừng lá rộng thường xanh nhiệt đới trên đảo đất*: Đây là HST chiếm phần lớn diện tích các đảo nổi với quần thể thực vật thuộc họ Sồi dẻ, Long não, họ Vàng, Ba mảnh vỏ, họ Sim và các loài cây quý hiếm có giá trị kinh tế cao như : Lim xanh, Re hương, Kim giao núi đất, Táu mật.

* *HST rừng ngập mặn*: Quần thể thực vật trong HST này mang đặc trưng của vùng Đông Bắc Việt Nam, tổng diện tích là 100 ha. HST RNM là nguồn cung cấp thức ăn vô cùng phong phú cho nhiều loài hải sản, là nơi cư trú, bãi đẻ của các loài tôm, cua, cá, sá sùng...là nơi kiếm ăn của nhiều loài động vật trên cạn như các loài thú móng guốc ăn thực vật, các loài khỉ (*Macaca sp*), nhiều loài chim, côn trùng đặc biệt là ong mật. HST RNM với cảnh quan hấp dẫn, đặc sắc và ĐDSH cao là nơi tổ chức hoạt động DLST, giáo dục môi trường và nghiên cứu khoa học.

* *HST thảm cỏ biển* khoảng 10 ha, phân bố rải rác tại các khu vực có đáy dạng cát – bùn như Chương Di, sông Mang, vụng Lỗ Hố, vụng Cái Đé, vụng Trà Thần, áng Ông Tích. Thảm cỏ biển bao gồm các loài thực vật bậc cao thuộc lớp một lá mầm, bộ thủy thảo. Trong VQG phát hiện có 2 loài gồm cỏ Xoan thuộc họ Tủy Thảo và cỏ Lươn Nhật Bản thuộc họ cỏ Lươn. Đây là HST rất quan trọng trong VQG vì là nơi cư trú và nguồn cung cấp thức ăn của nhiều loài hải sản quý như Ốc nhảy, Tôm rảo. Đặc biệt sự tồn tại của HST này gắn liền với nguồn thức ăn của một số loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng như Dugong, Rùa biển – những loài có số lượng khá phong phú trong VQG trong vài thập kỷ trước đây.

* *HST rạn san hô*: là một HST đa dạng nhất hành tinh và được ví như “rừng mưa nhiệt đới dưới đáy biển”, chỉ phân bố ở vùng biển nông ven bờ. Đây là nơi cư trú, đẻ trứng, ẩn náu, kiếm mồi cho nhiều loài hải sản. HST rạn san hô còn có năng suất sinh học cao, là nguồn sản sinh ra các chất hữu cơ,

cung cấp thức ăn không chỉ cho chính nó, cho các sinh vật sống trong rạn mà còn có ý nghĩa cao cho toàn vùng biển. Vì vậy, đây là nơi lưu trữ nguồn gen của nhiều loài hải sản. Các rạn san hô khu vực Bái Tử Long đều thuộc kiểu rạn không điển hình, rạn viền bờ ven đảo.

- *HST thung áng trong đảo đá vôi*: được hình thành trong các thung lũng đá vôi, có nước biển xâm thực, điển hình như thung áng Cái Đé. Nước trong thung chỉ lưu thông với vùng biển bên ngoài qua những khe rãnh nhỏ hoặc các hang ngầm. Tại đây tồn tại nhiều loài sinh vật được hình thành từ xa xưa, nên HST này được coi như bảo tàng sống thể hiện lịch sử tiến hóa của sinh vật. HST thung áng không những là những nhân tố hợp thành giá trị ĐDSH, mà còn góp phần tạo nên các giá trị cảnh quan phong phú và hấp dẫn của VQG Bái Tử Long.

2.2.6.2. Khu hệ thực vật rừng

VQG Bái Tử Long có hệ thực vật khá phong phú và đa dạng. Thành phần loài bước đầu thống kê của viện điều tra quy hoạch rừng và tổ chức Fontirer – Việt Nam có 780 loài trong đó:

Bảng 2.2: Thành phần loài thực vật rừng của VQG Bái Tử Long.

STT	Ngành	Họ	Chi	Loài
1	Lá thông (Psilotophyta)	1	1	1
2	Thông đất (Lycopodiophyta)	1	1	1
3	Quyết (Polypodiophyta)	16	24	45
4	Thông (Polyphyta)	3	4	4
5	Mộc lan (Magnoliophyta)	114	434	729
Tổng		135	468	780

Nguồn: [7]

Trong tổng số 135 họ thực vật có ở vườn, hai họ có số lượng trên 40 loài là Rubiaceae (47 loài) và Euphorbiacege (41 loài). Đây cũng là những họ có số chi và loài đa dạng nhất trong hệ thực vật Việt Nam.

Nguồn tài nguyên cây có ích bao gồm: 431 loài cây thuốc, 126 loài cây cho gỗ, 44 loài cây cho quả và hạt ăn được, 33 loài cây làm rau ăn, 27 loài cây cho tinh dầu và dầu béo, 14 loài cây làm thức ăn cho gia súc. [7]

Vùng sinh thái VQG Bái Tử Long được rừng kín thường xanh bao phủ tới gần 85% diện tích toàn vùng, trong đó rừng tự nhiên chiếm 90% tổng diện tích. Ngoài ra còn rừng tràm tự nhiên thuần loại diện tích 13 ha, phân bố trên đảo Minh Châu như: Tràm Muối, Tràm Đỏ, Tràm Trắng...

2.2.6.3. Khu hệ động vật rừng

Bảng 2.3: Thành phần loài động vật hoang dã VQG Bái Tử Long

STT	Lớp	Họ	Bộ	Loài
1	Thú	13	6	24
2	Chim	28	9	71
3	Lưỡng cư	1	1	15
4	Bò sát	12	2	33
5	Côn trùng bộ Cánh phấn	8		120
Tổng		62	18	263

Nguồn : [7]

Nằm trong danh sách được đưa vào sách đỏ về động vật rừng có: Báo gấm, Báo lửa, Sơn dương, Rùa hộp ba vạch, Kỳ đà hoa, Trăn đất, Cạp Nong, rắn Hồ mang chúa, Chồn bạc má... một số loài chim thuộc họ Hồng Hoàng, họ Ưng...

Bảng 2.4: So sánh số lượng loài giữa các VQG biển Việt Nam.

Nhóm sinh vật	Bái Tử Long (Lương Văn Kẻn, 1997)	Cát Bà (Trần Ngọc Bút, 1995)	Côn Đảo (Lương Văn Kẻn, 2005)	Hải vân - Sơn Chà (Nguyễn Văn Tiến, 2004)
Thực vật bậc cao	494	745	650	382
Thú	37	20	18	35
Chim	96	69	65	57
Bò sát	22	15	15	13
Lưỡng cư	15	11	10	8
Thực vật phù du	210	135	157	245
Động vật phù du	90	51	115	74
Rong biển	44	75	127	135
Cỏ biển	2		9	3
TVNM	19	23	23	14
Giun nhiều tơ	58	44	130	53
Thân mềm	197	100	191	159
Giáp xác	40	60	116	71
Da gai	32	12	75	14
San hô	106	147	219	144
Cỏ	68	105	160	162
Cộng	1530	1612	2080	1569

Nguồn: [1]

2.2.6.4. Hệ động - thực vật biển

VQG Bái Tử Long không chỉ đa dạng, phong phú về động – thực vật trên cạn mà còn giàu về động – thực vật dưới biển. Đây là nguồn gen quý hiếm của nước ta.

* *Thực vật ngập mặn*: 19 loài thuộc hai nhóm là nhóm loài chủ yếu và nhóm loài chịu mặn gia nhập vào RNM. Trong thành phần của khu hệ loài Sứ chiếm ưu thế trong toàn khu vực.

* *Thực vật phù du*:

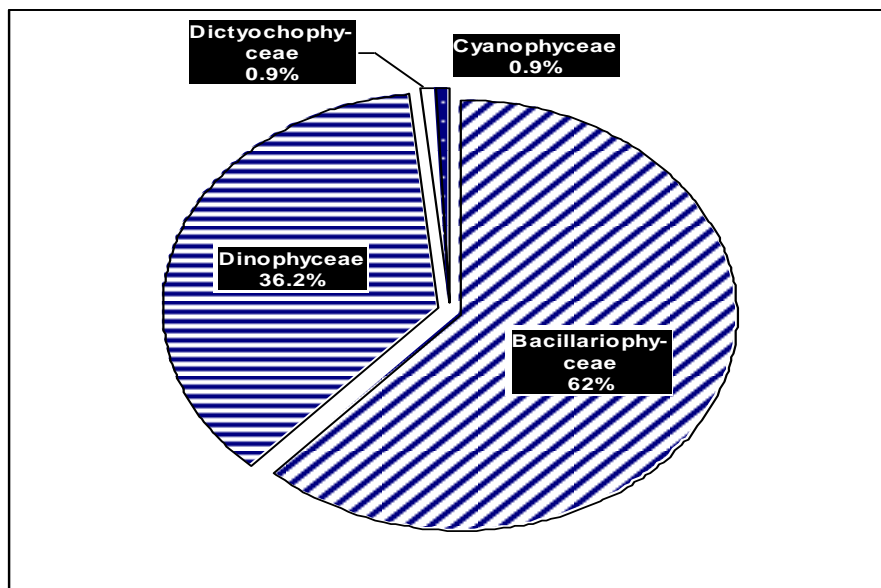
Bảng 2.5: Thực vật phù du ở vùng biển Bái Tử Long

STT	Lớp	Họ	Bộ	Chi	Loài	%
1	Tảo Silic	17	2	45	130	62
2	Tảo Giáp	10	5	20	76	36,2
3	Tảo Kim	1	1	1	2	0,9
4	Tảo Lam	1	1	1	2	0,9
Tổng		29	9	67	210	100

Nguồn: [7]

So sánh với các kết quả nghiên cứu gần đây về TVPD ở thấy rằng: thành phần TVPD ở vùng biển Bái Tử Long đa dạng hơn các khu vực lân cận như Cô Tô (đã gặp 130 loài), Thanh Lân (128 loài), Hạ Mai (146 loài), Hạ Long (209 loài).

Hình 2.1: Tỷ lệ của các lớp TVPD ở vùng biển Bái Tử Long



Nguồn: [1]

* *Rong biển*: 44 loài thuộc 4 ngành là Rong lam, Rong đỏ, Rong nâu và Rong lục. Trong 44 loài rong biển đã phát hiện được tại vùng biển VQG Bái Tử Long, có 5 loài có giá trị kinh tế có thể khai thác và sử dụng trong nhiều lĩnh vực như làm thực phẩm, nguyên liệu chế biến các loại dược phẩm dùng để chữa bệnh.

Bảng 2.6: Rong biển làm thực phẩm, nguyên liệu chế biến dược phẩm

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Công dụng
1	Peyubra (Grev.) J.Ag.		Giảm cholesterol trong máu
2	Leveillea jungermanioides (Harv. & Mart.) Harv	Rong lá nấm	Giảm cholesterol trong máu
3	Ulva conglobata Kjellm	Rong bùn	Thực phẩm
4	Ulva fenestrata Port. Et Rupp	Rong bùn	Thực phẩm
5	Codium arabicum Kuetz	Rong đại	Thuốc giun, chống nấm, chống ung thư, thực phẩm

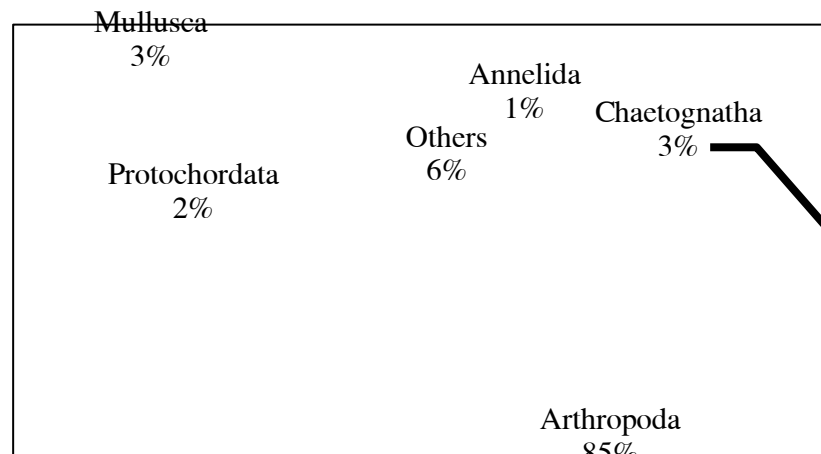
Nguồn: [1]

* *Động vật phù du*: 90 loài thuộc 52 giống 43 họ và 10 bộ, 5 ngành. Trong đó:

- Ngành Giun đốt (Anneliada) Gồm 1 loài chiếm 1%
- Ngành Chân đốt (Arthropoda) Gồm 76 loài chiếm 85%
- Ngành Thân mềm (Mollusca) Gồm 3 loài chiếm 3%
- Ngành Hàm tơ (Chaetognatha) Gồm 3 loài chiếm 3 %
- Ngành Có bao (Tunicata) Gồm 2 loài chiếm 2 %

Thành phần loài động vật phù du vùng biển Bái tử Long bằng 86,4 % so với vùng biển Cát Bà - Hạ Long, chiếm 74,3% số loài thu được trên toàn vùng biển Quảng Ninh – Hải Phòng. Như vậy có thể thấy quần thể động vật phù du lịch vùng biển Bái Tử Long khá phong phú.

Hình 2.2: Tỷ lệ các nhóm động vật phù du



Nguồn: [1]

*San hô: 106 loài san hô cứng thuộc 34 giống 12 họ trong khu vực VQG Bái Tử Long. Nếu xét mức độ đa dạng về số lượng giống thì họ Faviidae có số lượng giống nhiều nhất và vượt trội so với các giống khác là 12 giống, chiếm 35,3 %, các họ khác đều ít, chỉ 1 – 4 giống. Khác với các khu vực khác, các đảo có phân bố san hô thường bị tác động mạnh bởi các động lực biển như sóng và dòng chảy nên địa hình thường dựng đứng và có nhiều đá tảng lớn, do đó san hô phân bố rải rác không tập trung và chủ yếu là san hô dạng khối và dạng phủ bám chắc vào đá không bị sóng đánh bật ra khỏi vật bám.

Dựa trên kết quả khảo sát và đánh giá nhanh trên 6 rạn trong VQG Bái Tử Long, kết quả được thể hiện trên bảng 2.7

Bảng 2.7: Độ phủ san hô sống tại các điểm khảo sát khu vực Bái Tử Long

Nhóm sinh vật	Biên phòng (VI)	Cồn Đen (V)	Dời Xô (VII)	Gành Nam	Khơi Ngoài (XII)*	Cây bàng (II)*
San hô sống	56.3	21.9	50.6	46.9	70	35.0
San hô mềm	0	0	0.6	0		
Hải miên	1.3	6.9	1.9	4.4		
San hô chết	15	40	31.3	27.5		
Vụn san hô	6.9	2.5	5	0.6		
Cát	17.5	15	8.8	18.8		
Bùn	0.6	13.1	0.6	0		
Chất đáy khác	2.5	0.6	1.3	1.8		

Nguồn: [1]

* Cá biển: 68 loài thuộc 38 giống trong 19 họ. Các họ có tổng số loài lớn chiếm ưu thế là:

- Họ cá Thia có 13 loài chiếm 19,12% tổng số loài đã được phát hiện.
- Họ cá Mú có 9 loài chiếm 13,24%
- Họ cá Bàng chài có 6 loài chiếm 8,82%
- Họ cá Sơn và họ cá Phèn có 5 loài chiếm 7,35%
- Họ cá Lượng, cá Bướm và cá Bống trắng có 4 loài chiếm 5,88%

So sánh số lượng loài giữa các vùng rạn trong khu vực các đảo Đông bắc vịnh Bắc Bộ (bảng 2.8) cho thấy đây là khu hệ cá rạn có tính ĐDSH thấp nhất sau cả các rạn lân cận như Cô Tô, đảo Trần và Hạ Long.

Bảng 2.8: So sánh số lượng loài giữa các vùng rạn san hô khu vực các đảo Đông bắc vịnh Bắc Bộ

STT	Vùng rạn	Số lượng loài
1	Cô Tô	133
2	Đảo Trần	157
3	Hạ Long	111
4	Cát Bà	79
5	Ba Mùn	68

Nguồn: [1]

Loài có ý nghĩa khoa học cao và thuộc nhóm loài quý hiếm đã được ghi trong Sách đỏ của Việt Nam để bảo vệ là loài cá Lưỡng tiêm, có giá trị trong nghiên cứu về tiến hóa.

* *Giun đốt*: Có 60 loài, trong đó lớp Giun nhiều tơ có 58 loài và lớp Sâu đất có 2 loài. Số loài trên thuộc vào 48 giống và 25 họ. Số loài Giun nhiều tơ trên thể hiện tính thích nghi với hai thể nền đáy chính là đáy mềm vùng ngập nước và đáy cứng trong các thân san hô.

* *Động vật thân mềm*: 197 loài, trong đó:

- Lớp Chân bụng gồm 97 loài chiếm 49,2%.
- Lớp Hai mảnh gồm 96 loài chiếm 48,8%.
- Lớp Chân đào gồm 2 loài chiếm 1%.
- Lớp Nhiều tấm (Song kinh) gồm 2 loài chiếm 1%.

* *Giáp xác* : Phần lớn số loài thuộc lớp phụ Giáp xác vỏ mềm, bộ Mười chân. Trong số 40 loài Giáp xác thống kê được có một số loài có giá trị kinh tế cao. Đáng chú ý hơn cả có Cua xanh, 7 loài ghẹ và 2 loài Tôm he và Tôm rảo. Trong số Giáp xác phát hiện được không có loài nào thuộc nhóm quý hiếm được ghi vào Sách đỏ của Việt Nam.

Bảng 2.9: Cấu trúc khu hệ Giáp xác VQG Bái Tử Long và Hạ Long

Taxon	VQG Bái Tử Long		Hạ Long 1998**
	Điều tra 1999*	Điều tra 2003-04	
Số lượng họ	11	10	16
Số lượng giống	22	17	47
Số lượng loài	27	22	73
Tổng số loài	40		

*P.D.Trọng 1999 ** JICA 1998, Nguồn: [1]*

* Động vật da gai:

Bảng 2.10: Cấu trúc thành phần khu hệ động vật Da gai VQG Bái Tử Long

Lớp	Bộ	Họ	Giống	Loài
Huệ biển (Crinoidea)	1	3	3	3
Hải sâm (Holothuroidea)	3	4	6	8
Sao biển (Asteroidea)	1	3	3	4
Cầu gai (Echinoidea)	3	4	6	6
Đuôi rắn (Ophiuroidea)	1	7	8	12
Cộng	9	20	25	32

Nguồn: [1]

Các loài Da gai VQG Bái Tử Long được phát hiện thì loài có giá trị kinh tế tập trung vào nhóm Hải sâm là chủ yếu, hải sâm được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau như làm thực phẩm, làm thuốc. Vì vậy cần có biện pháp quản lý thích hợp để duy trì nguồn lợi của biển cho này.

So với các vùng biển gần đó như Cô Tô mới phát hiện được 8 loài và vùng Hạ Long - Cát Bà cũng mới chỉ phát hiện được 20 loài, với khu hệ Da gai biển Việt Nam nói chung, khoảng 300 loài (Đào Tấn Hồ, 1994) thì chỉ chiếm khoảng 10%. Còn nếu so sánh với toàn vịnh Bắc Bộ, khoảng 70 loài (tổng hợp các báo cáo điều tra của VQG Bái Tử Long) thì chúng chiếm khoảng 45%.

2.2.7. Tiềm năng du lịch tự nhiên

* *Cảnh quan địa hình*

Nằm giữa vùng biển - đảo Đông Bắc Việt Nam, VQG Bái Tử Long nổi lên như một vật phẩm vô giá, mà tạo hóa ban tặng cho mảnh đất Vân Đồn ngàn năm lịch sử. Nơi đây không chỉ có non xanh – biển biếc, phong cảnh thơ mộng hữu tình, mà còn chứa đựng những giá trị ĐDSH đặc sắc hiếm có.

- Hơn 40 đảo đá vôi và đảo đất xen kẽ nhau tạo ra một cảnh quan địa hình với cảnh sắc tuyệt vời còn giữ nguyên vẻ đẹp hoang sơ của thiên nhiên kỳ thú. Những đảo đá như bông bênh trên mặt biển với bao hình thù kỳ lạ

luôn thay hình đổi dạng, tạo cho du khách niềm thích thú khi chiêm ngưỡng, làm giàu thêm trí tưởng tượng vốn đã bay bổng của con người. Có đảo trông giống con Công hoặc thiên nga đang bơi lội, có đảo lại trông giống một con Ngựa khổng lồ. Cũng giống như vịnh Hạ Long, vịnh Bái tử Long có hàng trăm đảo có tên gọi riêng gắn với những truyền thuyết, sự tích hay tên loài vật nào đó theo trí tưởng tượng của con người. Đó là hòn Mẫu Tử kể về nghĩa mẹ thiêng liêng, qua câu chuyện một người mẹ trẻ vì chút tình thơ ngây bị vua cha quả trách đầy xuống thủy cung không cho nhận con nhỏ, những ngày người mẹ trẻ vẫn nâng bầu sữa tràn đầy sức sống lên trên mặt nước, để con mình được nuôi dưỡng bằng tình thương của mẹ. Còn hòn Thiên Thu là niềm an ủi của những bậc văn nhân miệt mài đèn sách. Thiên Thu là chồng sách của trời, cả một hòn đảo đá khổng lồ được hình thành bởi những phiến đá phẳng xếp hơi nghiêng như những trang sách đang mở ra trước mắt một bậc hiền triết. Quay lại nhìn phía sau thì thấy hòn Con Quy như hứa hẹn đón ta về trong quang vinh, sau những vất vả nhọc nhằn mà ta đã vượt qua để tô đẹp thêm cuộc sống. Xa hơn nữa là hòn Thạch Mã xung quanh ngồn ngạn nào cung, kiếm, khiên, đao, gậy tày, giáo vạt. Phải chăng nơi đây xưa kia một vị đại tướng nhà trời trên đường trở về sau cuộc chinh chiến, vì mãi mê cảnh đẹp đã trút bỏ ngựa chiến và binh khí, ở lại nơi đây để xây đắp hạnh phúc và hòa bình cho mình và cho người dân trên mảnh đất này. Nơi đây còn có Bàn Cờ Tiên với bàn cờ bằng phẳng trải ngay mép nước, bên cạnh một ngọn đèn lớn luôn sẵn sàng thấp sáng. Và còn biết bao dáng hình của đá, một thế giới hình khối cứng rắn như đá mà mềm mại như nước, một phòng trưng bày rộng đến khôn cùng, đủ sức chứa mọi trí tưởng tượng của Con người.

- Không chỉ có thế, các hang động khổng lồ trong lòng núi đá vôi, điển hình là hang Cái Đé, một hang lớn nhất vùng Hạ Long – Bái Tử Long, xuyên qua lòng núi với chiều dài 300 m, vừa cho ta cảm nhận sức mạnh không cưỡng nổi của thủy thần, vừa đem lại cảm giác huyền bí khó quên cho những ai có đủ bản lĩnh và sức khỏe khám phá và thám hiểm công trình thiên

tạo vĩ đại này. Cùng với đó là quần thể thực vật tươi tốt quanh năm che phủ trên đảo đá như mái tóc của các mỹ nhân. Những lạch biển trong xanh chạy giữa hai bên là các đảo có rừng thường xanh che phủ. Còn một dáng vẻ khác đầy quyến rũ, nối liền non nước đó là những bãi cát vàng, cát trắng nơi chân đảo. Có những bãi cát nhỏ như e ấp, ẩn hiện nơi chân đảo đá, lại có bãi cát trắng mịn trải dài hàng cây số với vẻ đẹp lộng lẫy thiết tha mời chào, một điểm đến đẹp nhất trên vùng Đông Bắc. Còn nếu là những người quan tâm đến lịch sử địa phương, ta có thể tìm hiểu và nghiên cứu một hình ảnh kì thú: đó là sự liên kết tới mức gói lên nhau của hai thân đảo có nguồn gốc hình thành từ các loại đá mẹ và những vận động địa chất hoàn toàn khác nhau ở phần tiếp giáp giữa đảo đất và đảo đá vôi trên đảo Trà Ngộ. Khi triều xuống thấp, những ngấn đá hằn sâu dưới chân đảo cũng là những biểu hiện ngàn năm của các vận động địa chất hải văn, biển tiến, biển lùi và thủy triều lên xuống. Tất cả những giá trị trên càng tô thêm vẻ đẹp hấp dẫn và sự cuốn hút đối với du khách mỗi khi thăm quan VQG Bái Tử Long.

- Đỉnh Mắp Chương Sam: Đây là điểm ngắm cảnh quan làng xóm và địa hình xung quanh. Với những ai thích khám phá thiên nhiên và ưa leo núi có thể trèo lên đỉnh Mắp thuộc xã Minh Châu để nhìn phóng tầm mắt thỏa sức ngắm nhìn xung quanh, bạn mới thấy được hết vẻ đẹp toàn cảnh của thiên nhiên trên vịnh cũng như quang cảnh làng xóm thân thương, xa hơn còn có thể quan sát được cảnh quan đảo Cô Tô. Vào ngày nắng vẻ đẹp mặt vịnh như long lanh hơn, các đảo uy nghi hơn, những mái nhà như nòng ắm hơn và cây rừng như xanh tốt hơn. Bốn bãi tắm dài, rộng (Bãi Giữa, bãi Bể Thích, bãi Nhãng Rìa, bãi Chương Nẹp) của Minh Châu rất đẹp, cảnh sắc lạ, hoang sơ tạo niềm hứng thú mới cho khách du lịch: Cát trắng như thủy tinh, độ dốc thoải, nước trong xanh có thể nhìn thấy đáy, sóng vừa phải, có nhiều Sao biển, ốc biển, Hải sâm, cá nhỏ... Đặc biệt là có những bãi đá với nhiều viên đá nhẵn hình thù đẹp mắt.

** Cảnh quan rừng mưa nhiệt đới trên các đảo đất, các đảo đá vôi*

- HST rừng kín thường xanh thứ sinh trên đảo: HST núi đá chứa đựng nhiều loài động thực vật rất phong phú và đặc sắc đã và đang được thống kê chi tiết và đầy đủ hơn trước. Trong đó phải kể đến một số loài thực vật quý hiếm như nhóm cây gỗ có Trai Lý, Kim Giao núi đá, Lát Hoa, Tắc Kè đá, Tuế, nhóm Lan Hải... Về động vật đó là các loài thuộc bộ linh trưởng như: Khỉ vàng, một số loài chim quý như Phượng Hoàng đất, Cao Cát bụng trắng, các loài thuộc bộ chim Ưng. Khi đến VQG Bái Tử Long, bằng hệ thống rừng mòn trên đảo Ba Mùn, Trà Ngộ du khách sẽ có dịp được thưởng thức loại hình du lịch Trekking và cơ hội tự mình khám phá về những loại này.

- RNM trong thung - áng Cái Đé: Đây là một hang động có quy mô lớn nhất đã được phát hiện tại Vịnh Bái Tử Long cho tới nay. Hang dài chừng hơn 300 m, xuyên qua lòng núi. Cửa bên ngoài thông với áng Đé, cửa bên trong rừng thường xanh che phủ, phần ngập nước có RNM tự nhiên đã nhiều năm tuổi hấp dẫn đối với các chuyên gia nghiên cứu về HST đất ngập nước. Khám phá hang luôn là một hoạt động dành cho những khách du lịch ưa mạo hiểm. Khi vào sâu trong lòng hang ta được cảm nhận một không khí âm u, huyền bí, những tiếng động như từ đời xưa vọng lại.

- RNM tại Vũng Cái Quýt (Đảo Ba Mùn): RNM ở đây rộng 24 ha, là RNM đặc trưng nhất của VQG Bái Tử Long. Đây là một cảnh quan sinh vật khá hiếm, vì ở các nơi khác thì đới trên cùng của rừng ngập mặn thường tiếp xúc với HST nông nghiệp, không còn cảnh quan và HST tự nhiên, nên đới chuyển tiếp không có trạng thái điển hình như ở đây. Khi đến Vũng được ngắm nhìn những quần thể TVNM đua giỡn, ngụp lặn trong thủy triều, du khách không thể không kinh ngạc và thích thú trước sự kỳ lạ và sự biến hóa khôn cùng của nhóm loài thực vật này

** Đa dạng về nguồn gen sinh vật cảnh*

Từ sinh vật biển cũng như sinh vật trên cạn liên quan đến các HST đặc trưng là rạn san hô và rừng trên núi đá vôi:

- Hai điểm ngắm san hô là Đầu Cào và Mang Khoi: Đến với VQG Bái Tử Long, du khách sẽ bị lôi cuốn bởi những rạn san hô, không chỉ lôi cuốn về khía cạnh thẩm mỹ mà còn trên cả phương diện khoa học. Mặc dù không đặc sắc về quy mô và kích thước rạn nhưng được ví như vườn thượng uyển của Long Vương bởi sự trang trí tài hoa lộng lẫy của tạo hóa. Đây là một loại hình du lịch hấp dẫn hiện nay mới chỉ có ở biển Nha Trang khi khách có nhu cầu.

- Một bãi Rùa đẻ: Bãi Dưới nằm gần mũi Cồn Trụi có cảnh quan tự nhiên thích hợp cho rùa biển làm tổ và đẻ trứng – một trong những loài được bảo vệ cấp toàn cầu. Tại đây, năm 2004 đã phát hiện 2 ổ trứng Vích, năm 2007 phát hiện 1 ổ và cứu hộ thả về biển 1 rùa mẹ. Rùa thường vào bãi đẻ khi con nước lên cao nhất từ tháng 5 đến tháng 7. Nơi đây, nếu được bảo vệ tốt sẽ trở thành điểm DLST hấp dẫn.

- Rừng Trâm tự nhiên thuần loại: Với diện tích 13 ha, trải dài theo hình vòng cung, đây là rừng Trâm tự nhiên thuần lại duy nhất của nước ta. Rừng Trâm đối với dân làng nơi đây như vị “Thần Mộc”, còn đối với du khách đây là một môi trường, một giáo cụ trực quan, sinh động cho việc nghiên cứu, học tập về lâm sinh học nhiệt đới. Do đó, hãy đến với Minh Châu để được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của rừng Trâm và hít thở khí thiêng ẩn trong từng thớ gỗ của vị “Thần Mộc”.

** DLST kết hợp với du lịch chữa bệnh và tìm hiểu về các loài cây thuốc quý hiếm*

- Cây Bách Bệnh với các tác dụng dược lý như sau:

+ Rễ cây Bách bệnh (có vị đắng, tính mát) băm nhỏ đem tẩm rượu sao vàng để chữa nhiều bệnh như: Khí huyết kém (biểu hiện của ngời mặt mỗi, lưỡi hoạt động, thiếu máu), gân xương yếu mỗi, ăn uống không tiêu, no hơi đầy bụng, trong ngực có cục tức (tức ngực, nghẹn, khó thở) chân tay tê nhức, nôn mửa, tả lị, tức thờ cảm mạo (cảm ho thể phong hàn hay phong nhiệt cả bốn mùa trong năm), say rượu và tẩy giun. Các Quassinoid từ rễ còn có tác dụng diệt ký sinh trùng sốt rét do Plasmodium falciparum ở bệnh nhân đã kháng Chloroquine. Theo kinh nghiệm cổ truyền của các nước châu á thì

dùng cây Bách Bệnh để tăng cường khả năng sinh dục cho nam giới làm tăng sức khỏe nói chung và còn nhiều tác dụng đáng quý khác.

+ Vỏ cây và thân cây dùng làm thuốc bổ, chữa trị ăn uống không tiêu; phối hợp với rễ chữa đau lưng nhức mỏi, đau bụng kinh của phụ nữ.

+ Quả cây dùng để chữa lỵ, tiêu chảy. Lá dùng nấu nước tắm trị ghẻ, lở ngứa.

(Theo tài liệu của PGS.TS Trần Công Khánh, Viện Dược liệu).

- Cây lá khô với các tác dụng dược lí: Theo kinh nghiệm của dân gian, Lá khô là một vị thuốc đóng vai trò chủ trị trong chữa bệnh đau dạ dày, liều dùng từ 50 – 60g dưới dạng sắc uống, ngoài ra có thể nấu cao lỏng để uống.

Lá khô tươi, lá vôi, lá hòe còn dùng để nấu nước tắm cho trẻ em đỡ lở, ngứa. [9]

2.3. Các đặc điểm kinh tế – xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn

2.3.1. Đặc điểm dân cư

Ranh giới VQG Bái Tử Long thuộc địa bàn quản lý hành chính của 3 xã Minh Châu, Vạn Yên, Hạ Long. Nhưng chỉ có người dân 4 thôn (Quang Trung, Ninh Hải, Nam Hải, Tiền Hải) thuộc xã Minh Châu sống trong phạm vi VQG. Tổng dân số 968 người, 222 hộ, dân tộc kinh có 959 người chỉ có 5 người là dân tộc Hoa, 4 người là dân tộc Sán Diêu. Tổng số lao động của xã Minh Châu khá dồi dào 520 lao động chủ yếu tham gia vào hoạt động ngư nghiệp. Trong số lao động có trình độ học vấn phổ thông, tiểu học và trung học cơ sở chiếm 94,5%.

Bảng 2.11: Cơ cấu lao động xã Minh Châu năm 2009.

Ngành	Số lao động	%
Ngư nghiệp	250	48.08
Nông – lâm nghiệp	100	19.23
Ngành khác	170	32.69
Tổng	520	100

Nguồn: [13]

2.3.2. Đặc điểm kinh tế

2.3.2.1 Cơ cấu kinh tế Huyện Vân Đồn

Về cơ bản vẫn trên nền kinh tế nông – lâm – ngư nghiệp; kinh tế hàng hóa chưa phát triển. Trong những năm gần đây, huyện Vân Đồn có xu hướng tăng tỷ trọng các ngành du lịch – dịch vụ và ngành thủy sản, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và lâm nghiệp.

Ngày 04/01/2008 Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số: 06/QĐ-TTg thành lập Ban quản lý khu Kinh tế Vân Đồn với trọng tâm phát triển DLST biển đạt chất lượng cao và môi trường chế biến thủy hải sản xuất khẩu.

2.3.2.2 Cơ cấu kinh tế của xã Minh Châu

Nhìn chung kinh tế chưa phát triển, chủ yếu phụ thuộc ngành ngư nghiệp và lâm nghiệp, công nghiệp dịch vụ chưa phát triển tuy có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản.

** Nông nghiệp*

- Ngành trồng trọt: Xã Minh Châu có 29 ha (2010) đất canh tác nông nghiệp sản lượng quy ra thóc đạt mỗi năm tương ứng 60 tấn, giá trị sản phẩm trồng trọt trung bình mỗi năm đạt 160 triệu đồng = 103% so với kế hoạch.

- Ngành chăn nuôi: không phát triển rộng, hình thức chăn nuôi hộ gia đình mang tính nhỏ lẻ, tự cung tự cấp và chủ yếu là nuôi các loại gia cầm nhỏ.

** Lâm nghiệp*

Năm 1992, thực hiện chính sách giao đất giao rừng của Chính phủ, hạt Kiểm lâm huyện Cẩm Phả đã giao đất giao rừng trên các đảo cho các hộ gia đình quản lý bảo vệ (rừng ở đảo Ba Mùn không giao). Người dân đã thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, các hoạt động khai thác gỗ và săn bắn trái phép đã giảm. HST tự nhiên được phục hồi trở lại với nguồn gốc vốn có của nó.

** Ngư nghiệp*

Toàn xã hiện nay có 160 phương tiện tàu thuyền, tổng sản phẩm khai thác hải sản các loại đạt khoảng 1870 tấn = 12,6 tỉ đồng.

+ Khai thác chế biến Sứa: trên địa bàn hiện nay đã có 18 xưởng thu mua và chế và biến sứa theo thời vụ.

+ Khai thác sá sùng: Việt Nam duy nhất chỉ có ở hai bãi Sá Sùng dọc sông Mang ở Minh Châu, đây là đặc sản quý của xã. Hàng năm nguồn thu từ Sá Sùng có thể đạt tới hơn 1 tỷ đồng.

+ Nghề đánh lưới ghe: Hiện nay địa bàn xã có 20 phương tiện nhỏ đánh lưới gần bờ, khai thác ghe, thời vụ từ tháng 4 đến tháng 11.

+ Khai thác nhuyễn thể trên các ghềnh đá bãi triều: có nhiều loại nhuyễn thể có giá trị kinh tế cao như: Hải sâm, ốc hương, Sò huyết, điệp, ốc màu...góp phần nâng cao thu nhập của người dân địa phương.

* *Về nuôi trồng thủy hải sản*: hiện nay đã có 19 hộ nuôi với số lượng trên 100 vạn con giống. Khai thác Tu hài thương phẩm trung bình hàng năm khoảng 3 – 5 tấn, trị giá khoảng 400 – 600 triệu đồng.

2.3.3. Tiềm năng du lịch nhân văn

VQG Bái Tử Long là một nơi có cảnh quan thiên nhiên tuyệt mỹ có sức thu hút rất lớn đối với du lịch khách trong và ngoài nước. Không chỉ có vậy, nơi đây còn có một truyền thống lịch sử hào hùng và những nét văn hóa độc đáo cũng như những giá trị khảo cổ có ý nghĩa về mặt khoa học:

* *Di tích dòng sông Mang lịch sử*: nơi ghi dấu chiến công lẫy lừng của tướng Trần Khánh Dư đánh tan thuyền lương trên 500 tàu quân xâm lược Nguyên Mông do Trương Văn Hổ cầm đầu diễn ra từ năm 1288 nhưng vẫn vang dội đến ngày nay.

* *Dấu tích khảo cổ thương cảng Vân Đồn*: Nằm trên tuyến đường giao thông hàng hải quan trọng nên 1149 vua Lý Anh Tông cho thành lập trang Vân Đồn để buôn bán với nước ngoài. Đến nay nhiều dấu tích vẫn còn hiện hữu ở bến Cái Làng và nhiều địa danh khác ở Bái Tử Long.

* *Di tích khảo cổ hang Soi Nhụ*: Đây là nơi phát tích của nền văn hóa người Việt thời tiền sử với những di vật được phát hiện và minh chứng cho một nền văn hóa Việt cổ cách đây 14.000 năm.

* *Đình Quan Lạn*: Xây dựng từ thế kỉ 18, nay còn giữ được gần như nguyên vẹn các đường nét hoa văn chạm khắc tinh xảo xưa. Đình được xây dựng theo kiến trúc và phong cách của đồng bằng Bắc Bộ, cửa hướng về đất liền. Đình được bộ văn hóa thông tin cấp bằng công nhận cụm di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật. Đây sẽ là điểm thu hút du khách yêu kiến trúc cổ muốn tìm hiểu về nghệ thuật dân gian Việt Nam.

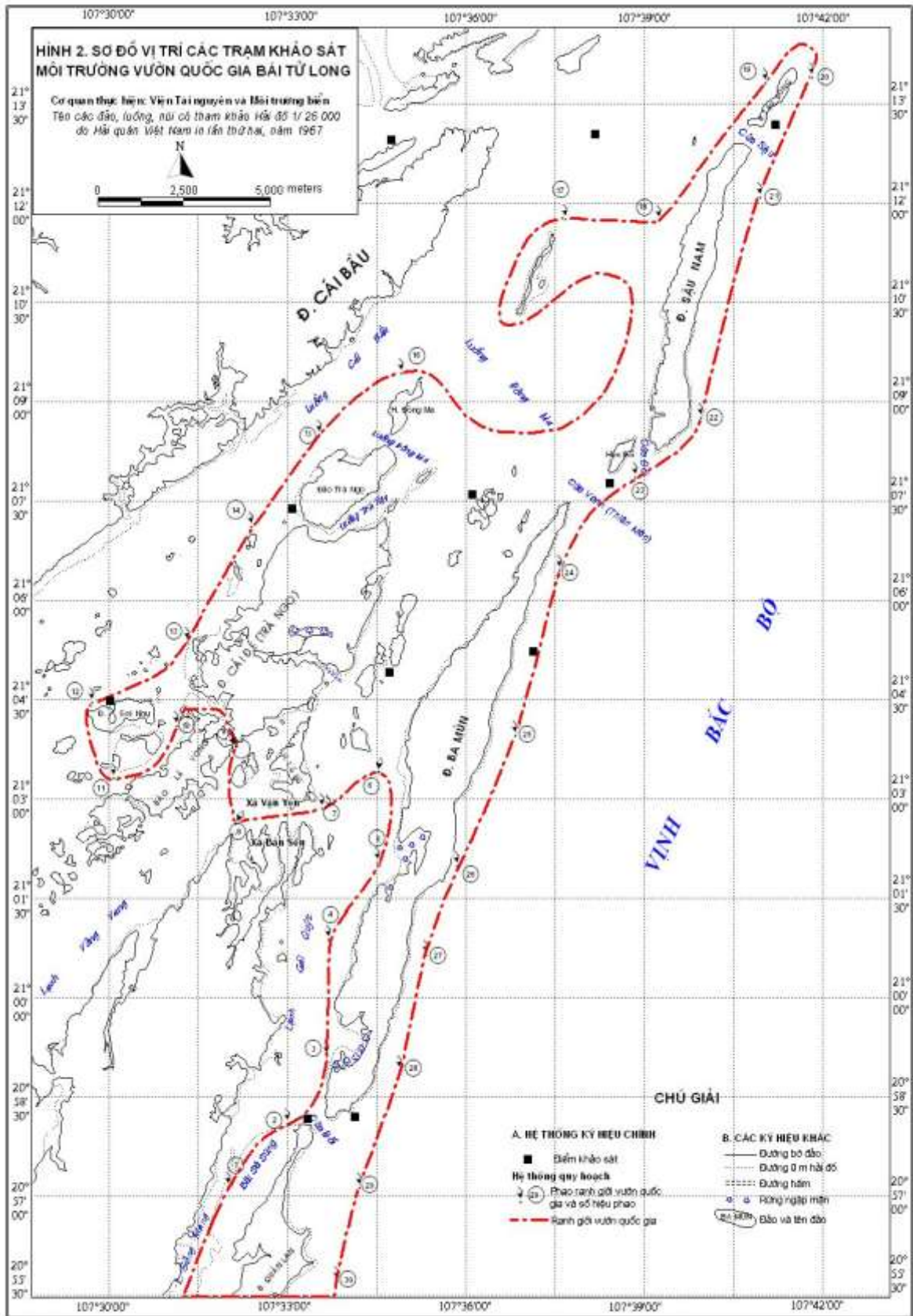
* *Đền thờ Trần Khánh Dư*: Đền thờ một vị tướng danh tiếng của nhà Trần đã có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông.

* *Lễ hội Quan Lạn*: Bắt đầu từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 6 âm lịch (lễ chính vào 18 tháng 6 âm lịch). Đây là một hoạt động văn hóa tín ngưỡng mang đậm tinh thần đoàn kết dân tộc và tinh thần thượng võ của cộng đồng địa phương với vùng đất này. Hiện nay lễ hội này đã trở thành lễ hội truyền thống của toàn huyện Vân Đồn.

Bên cạnh nhiều văn hóa phi vật thể Quan Lạn còn có nhiều giá trị văn hóa phi vật thể khác: hát giao duyên vùng biển và nhiều phong tục tập quán mang bản sắc riêng của người miền biển.

Tiểu kết chương 2

Trên cơ sở nghiên cứu các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội ở khu vực VQG Bái Tử Long, dựa vào các tiêu chí đánh giá tiềm năng DLST thì đề tài đã tiến hành đánh giá tiềm năng DLST của VQG Bái Tử Long. Kết quả đánh giá cho thấy VQG Bái Tử Long là một VQG có tiềm năng DLST với giá trị ĐDSH cao, nhiều loài động thực vật quý hiếm, đặc hữu; nhiều cảnh quan đẹp và tiềm năng văn hóa địa phương đặc sắc; vị thế của VQG trong phát triển DLST thuận lợi. Tuy nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cũng thiếu thốn đặc biệt là phương tiện đi lại, điện lưới quốc gia và hệ thống nước ngọt nên chưa tạo thuận lợi cho khai thác tiềm năng này để phát triển du lịch.



Hình 2: Vị trí các trạm khảo sát môi trường VQG Bái Tử Long

CHƯƠNG 3: HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở VƯỜN QUỐC GIA BÁI TỬ LONG

3.1. Khách du lịch

3.1.1. Nguồn khách và thành phần khách

Khách tới VQG Bái Tử Long từ hai nguồn chủ yếu là từ Vân Đồn và từ Hạ Long sang theo tour. Do vùng vịnh Bái Tử Long nói chung và khu vực VQG Bái tử Long nói riêng mới được khám phá, nhiều điểm du lịch vẫn giữ được dáng vẻ hoang sơ, chưa bị khai thác quá mức nên du khách quốc tế đến đây để khám phá và chiêm ngưỡng. Khách du lịch quốc tế chủ yếu là du khách đến từ các nước châu Âu, Bắc Mỹ luôn bị thu hút bởi vẻ đẹp tự nhiên ít chịu tác động của con người.

Xu hướng du lịch hiện nay của khách nội địa vẫn chủ yếu là nghỉ dưỡng, ít khám phá. Vì vậy, tour DLST, nghỉ dưỡng tại đây rất phù hợp với đối tượng có nhu cầu nghỉ ngơi hoặc thám hiểm. Thường đối với khách thích tham quan, nghỉ dưỡng chủ yếu là khách thiếu niên, trung niên. Còn đối tượng khách thích khám phá, mạo hiểm và muốn quay về với cuộc sống thiên nhiên, hoang sơ thì phù hợp với đối tượng khách là thanh niên.

Thành phần khách nội địa đến VQG chủ yếu là những nhà nghiên cứu, học sinh, sinh viên đến VQG với mục đích nghiên cứu, tìm hiểu và học hỏi. Ngoài ra còn có giáo viên, cán bộ công nhân viên chức đến khu vực VQG để tham quan và nghỉ dưỡng.

3.1.2. Số lượng khách

** Số lượng khách du lịch đến Vân Đồn*

Năm 2009, tổng số lượt khách đến Vân Đồn ước tính đạt 350.000 lượt đạt 100 % kế hoạch, trong đó khách quốc tế là 3.487 lượt đạt 99% kế hoạch, so với cùng kỳ năm 2008 số lượt khách tăng 22% và khách quốc tế tăng 26%. Mặc dù thời gian qua nền kinh tế suy thoái và có nhiều biến động nhưng nhìn

chung lượng khách đến Vân Đồn trong những tháng gần đây không bị ảnh hưởng nhiều mà còn có xu hướng tăng lên, đặc biệt là khách nội địa.

Bảng 3.1: Số lượng khách du lịch đến Vân Đồn qua các năm

Năm	2005	2006	2007	2008	2009
Khách du lịch nội địa	196.947	240.100	273.881	283750	346.500
Khách du lịch Quốc tế	1.120	1.500	2.119	2.750	3.500
Tổng số khách (lượt)	198.067	241.600	276.000	286.500	350.000

Nguồn: [12]

** Số lượng khách đến VQG Bái Tử Long*

Mùa hè năm 2009 số khách tới tham quan du lịch trên địa bàn xã Minh Châu, Quan Lạn nói riêng và VQG Bái Tử Long nói chung đã tăng lên. Tổng khách du lịch đến VQG đạt 17.631 lượt khách. Theo phiếu điều tra đối với người dân địa phương tại xã Minh Châu, Quan Lạn cho thấy khách tới đây bao gồm cả khách quốc tế và khách nội địa; khách quốc tế chiếm 25,8%; khách nội địa là chủ yếu chiếm 74,2%.

Bảng 3.2: Số lượng khách lưu trú tại khu DLST Vân Hải Xanh

Năm	2008	2009	3 tháng đầu năm 2010
Số lượng khách	3.300	14.031	139

Nguồn: Công ty DLST Vân Hải Xanh

3.2. Doanh thu của VQG

Hoạt động du lịch của VQG mới bắt đầu được khai thác với sự ra đời của phòng khai thác du lịch, trong thời gian tới Ban quản lý VQG dự kiến sẽ thành lập trung tâm dịch vụ DLST kết hợp với phòng khai thác du lịch phát huy tiềm năng DLST của VQG. Do mới thành lập nên việc khai thác và phát triển tiềm năng du lịch của VQG còn gặp nhiều khó khăn, Ban quản lý VQG

hiện nay vẫn chủ yếu tập trung vào lĩnh vực chuyên môn là quản lý và bảo vệ VQG nên lĩnh vực du lịch chưa phát triển. VQG chưa tổ chức bán vé thu lệ phí tham quan và lượng khách tham quan ít nên hầu như chưa có doanh thu riêng từ lĩnh vực du lịch mà doanh thu chủ yếu vẫn là từ các dự án hỗ trợ bảo tồn và phát triển của Nhà nước và các tổ chức Quốc tế.

3.3. Cơ sở hạ tầng– vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

** Giao thông*

Hiện nay, đường 18 từ Hà Nội đi Bãi Cháy, Cẩm Phả, Cửa Ông đã được nâng cấp mở rộng và thông cầu toàn tuyến. Đường 5 từ Hà Nội đi Hải Phòng, đường 10 nối đường 5 với đường 18 cũng đã hoàn thành và thông cầu Bãi Cháy. Do đó, việc đi lại giữa các thành phố lớn của miền Bắc Việt Nam trở nên thuận lợi hơn. Đến nay, có trên 30 phương tiện vận tải khách đường bộ phục vụ khách đi nội tỉnh và liên tỉnh.

- Việc giao lưu, trao đổi, vận chuyển hàng hóa từ đảo ra đất liền và ngược lại đều thông qua hệ thống giao thông đường thủy. Mỗi ngày có 2 chuyến tàu khách từ Quan Lạn – Minh Châu – Cái Rồng và ngược lại. Thời gian xuất bến là 7h sáng và 13h chiều tại hai đầu bến là Cảng Cái Rồng và cảng của các xã Bản Sen, Ngọc Vũng, Quan Lan, Minh Châu, Thắng Lợi.

- Nếu đi bằng đường bộ tới Quảng Ninh thì tuyến giao thông chính là đường quốc lộ 18, tới Vân Đồn theo đường tỉnh lộ 334 rồi tới cảng Cái Rồng để bắt tàu đi Minh Châu ở hai cảng Cửa Đồi hoặc cảng cát Nam Hải. Nếu đi bằng đường thủy có thể đi tàu khách từ Hạ Long sang VQG hoặc từ Móng Cái xuống. Thực hiện dự án Biển Đông, xã Minh Châu được đầu tư xây dựng 1 tuyến đường dài 6km, mặt đường rộng 3,5m và 1 cầu cảng. Đường chỉ lưu thông từ Hòn Trụi qua trung tâm xã đến xã Quan Lạn, việc đi lại giữa các điểm du lịch, khu nhà nghỉ rất thuận tiện. Phương tiện vận chuyển trên đảo hiện nay sử dụng chủ yếu là xe lam, xe máy hoặc xe đạp thuê.

+ Việc tham quan chủ yếu diễn ra trong khu vực VQG Bái Tử Long cũng như trong vịnh Bái Tử Long thì phương tiện tham quan hữu hiệu nhất là

tàu du lịch. Tuy nhiên, một số điểm tham quan đó có cảng tàu nhưng chất lượng các cảng tàu không đạt yêu cầu. Sự thiếu hụt các cảng tàu cũng gây khó khăn trong quá trình tham quan. Nhìn chung giao thông đảm bảo thông suốt nhưng giá thành khá cao nên đây là trở ngại lớn cho du khách khi tới VQG Bái Tử Long.

Bên cạnh việc đón tàu tại các cảng huyện Vân Đồn, du khách có thể đón tàu tại các bến tàu Hòn Gai. Tại đây, hàng ngày vẫn có những chuyến tàu khởi hành đi ra các đảo trong vùng đệm của VQG như: Quan Lạn, Minh Châu, Bản Sen...Tuy nhiên, giờ tàu chạy tại các bến tàu Hòn Gai đi ra các đảo cũng mất nhiều thời gian hơn so với đi từ Cảng Cái Rồng (thường chậm hơn từ 1 – 2 giờ).

** Điện sinh hoạt và thông tin liên lạc*

Do cách xa đất liền, kinh tế lại chưa phát triển nên việc dẫn điện đến các khu vực này cũng gặp nhiều khó khăn. Trên các đảo và khu vực dân cư thuộc xã Minh Châu, Quan Lạn chưa có điện lưới quốc gia và nước sạch phục vụ du lịch, hiện nay người dân chủ yếu dựng hệ thống nước giếng khoan chất lượng nước khá tốt. Những gia đình nhỏ có điều kiện thì dùng chung một máy phát điện công suất nhỏ để thắp sáng và xem ti vi, mỗi ngày chỉ chạy từ 2 – 3 tiếng (từ 18h – 21h). Đối với khách du lịch yêu thích DLST thì đây là cơ hội tốt để du khách tận hưởng bầu không khí thiên nhiên theo mục đích DLST thuần túy.

Nằm giữa biển khơi, việc khai thác và sử dụng nước ngọt là vấn đề cấp thiết, đáng quan tâm. Sử dụng hợp lý và hiệu quả sẽ giúp giữ gìn và bảo vệ nguồn nước thay vì phải mang nước ngọt từ đất liền ra đảo.

Ở đảo chưa có hệ thống xử lý nước thải cũng như rác thải. Rác chỉ được tập trung tại một khu vực mà không được xử lý. Nước thải không qua xử lý mà đổ thẳng xuống biển, điều này gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường biển.

Đặc biệt vào mùa đông, mùa vắng khách du lịch, các bãi biển ở đảo Quan Lạn, Minh Châu trở thành nơi hội tụ của rác biển. Dọc theo các bờ biển, sát với khu nhà nghỉ là những mảnh gỗ vụn từ thân cây trôi dạt từ ngoài biển vào. Điều này làm ảnh hưởng nhiều đến mỹ quan của khu du lịch.

Mỗi xã có một trạm bưu điện văn hóa, năm 2006 tiến hành khởi công xây dựng trạm Vina phone tại xã Hạ Long với tổng kinh phí đầu tư là 15 tỷ đồng. Năm 2007, 12/12 xã, thị trấn được phủ sóng điện thoại không dây đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời.

** Cơ sở vật chất kỹ thuật*

Bên cạnh khu nghỉ của công ty Công nghệ Việt Mỹ, khu DLST Vân Hải của công ty Cổ phần du lịch Vân Hải xanh; khu DLST này được thành lập và xây dựng trên cơ sở vận dụng những ưu thế có sẵn của thiên nhiên, hạn chế tối đa các tác động làm biến đổi cảnh quan môi trường. Khu du lịch có sự kết hợp hài hoà giữa kiến trúc truyền thống Việt với quần thể nhà sàn ven biển, cùng với khu biệt thự sang trọng theo phong cách hiện đại. Các công trình xây dựng trong khu du lịch không quá 2 tầng, tạo cảm giác thoáng đãng và gần gũi với thiên nhiên. Tại đây có 5 nhà sàn, 13 phòng nghỉ khép kín và 2 phòng nghỉ tập thể có sức chứa từ 15 – 20 người.

Tại Minh Châu mới có khách sạn Minh Châu beach Life is Beautiful và nhà nghỉ Thảo Phương trước đây là nhà nghỉ Ninh Hải gồm 8 phòng của ông Vương Văn Tý – người dân địa phương đầu tiên tại Minh Châu làm du lịch. Ngoài ra cũng có một số gia đình làm nhà trọ cho thuê quy mô nhỏ. Ngoài các khu DLST trên có tính quy hoạch, chuyên nghiệp cao, các cơ sở lưu trú ăn uống khác trên đảo đều mang tính chất manh mún, tự phát thiếu tính chuyên nghiệp và còn nhiều thiếu sót trong quá trình hoạt động du lịch tại khu vực VQG Bái Tử Long.

Ngoài ra du khách tới VQG Bái Tử Long có thể nghỉ lại thị trấn Cái Rồng với 53 cơ sở lưu trú gồm 713 phòng, chất lượng phục vụ đều đạt chuẩn. Tiêu biểu như: Chi nhánh công ty Công nghệ Việt Mỹ tại thôn 2 xã Hạ Long,

khu du lịch Mai Quyền thôn 1, xã Hạ Long, nhà hàng Tuyết Phần khu 9 thị trấn Cái Rồng...

Bên cạnh các cơ sở lưu trú trên các đảo, hình thức lưu trú được du khách ưa chuộng như nghỉ đêm trên tàu du lịch. Hiện nay, tại khu vực vịnh mới chỉ có một số tàu đáp ứng được việc phục vụ ngủ đêm trên tàu của du khách. Các loại tàu xếp hạng cao, có trang thiết bị hiện đại thì hầu hết đều tập trung tại bến cảng tàu Bãi Cháy ở Hạ Long. Vì vậy, khi du khách muốn sử dụng tàu như phương tiện lưu trú của mình thì hầu hết đều phải thuê tàu từ vịnh Hạ Long sang.

** Cơ sở vui chơi giải trí*

Do kinh tế của các xã đảo còn thấp nên việc đầu tư cho xây dựng cơ sở vui chơi giải trí chưa được quan tâm đúng mức. Điều này làm hạn chế cho việc đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của du khách khi đến nghỉ tại các xã đảo, vì thế thời gian lưu trú của du khách không kéo dài. Các dịch vụ giải trí ở đây thường lặp lại chưa có gì mới, chủ yếu vẫn xoay quanh một số hoạt động như: kayaking, leo núi, tắm biển, câu mực...

3.4. Thực trạng khai thác các tuyến điểm tham quan

** Điểm du lịch trung tâm*

Điểm du lịch trung tâm của VQG Bái tử Long là khu vực đảo Quan Lạn thuộc xã Minh Châu và xã Quan Lạn. Điểm du lịch này gồm bốn bãi tắm dài, rộng (Bãi Nhãng Rìa, Bể Thích, Chương Nẹp, Bãi Giữa), những chuyến du lịch lặn biển xem san hô ở mũi Đầu Cào, thăm trung tâm giáo dục cộng đồng, khu trưng bày các mô hình tranh ảnh về lịch sử, đặc điểm của VQG, tham quan tìm hiểu kiến trúc cổ của hệ thống miếu nghè Quan Lạn, đền thờ Trần Khánh Dư, khu thương cảng cổ Vân Đồn và thưởng thức các món ăn hải sản tươi ngon mà chỉ riêng vùng biển đảo này mới có như: Sá Sùng, Sứa đỏ...

Ngoài ra bên cạnh bãi tắm Nhãng Rìa còn có rừng Trâm thuần loại rất hiếm của Việt Nam, là “vị thần mộc” của cư dân Minh Châu và là nơi du khách có thể dạo chơi chụp ảnh với những góc cây cổ thụ lớn. Cách không xa

bãi tắm về phía cảng Minh Châu là bãi Dưới, nơi có cảnh quan tự nhiên còn hoang sơ thích hợp cho rùa đẻ trứng – một loài rất nhạy cảm với môi trường và đang được bảo vệ trên phạm vi toàn cầu. Đối diện là Đỉnh Mắp cao gần 100 m, thỏa mãn cho những ai yêu cảnh bình minh, hoàng hôn trên biển, hoặc ngắm toàn cảnh làng xóm xung quanh và xa hơn nữa là có thể phóng tầm mắt ra quần đảo Cô Tô nằm chên vênh trên biển.

Ở đây, nếu du khách ưa tìm hiểu văn hóa địa phương thì không chỉ được tận mắt chứng kiến mà còn có thể tham gia vào hoạt động đào, khai thác Sá Sùng của người dân Minh Châu mỗi khi triều vừa rút trên bãi Sá Sùng. Đây là bãi Sá Sùng duy nhất ở Việt Nam.

Nếu ở lại trên đảo, ngoài hoạt động đốt lửa giao lưu với cộng đồng địa phương vào buổi tối, du khách có thể thong thả đi bộ trên đường giữa những dặng phi lao, nghe gió biển thì ào và hít thở không khí trong lành giúp tinh thần thư thái hơn. Nếu ban đêm du khách vẫn muốn tiếp tục vui cùng bạn bè thì có thể lên thuyền qua cửa Đồi ra vũng Ô Lợn để câu mực và mời bạn bè những chiến lợi phẩm do chính tay mình câu làm cho chuyến du lịch càng vui và ý nghĩa hơn.

** Điểm du lịch đảo Trà Ngộ*

Dọc theo luồng Cái Bàu về phía Bắc, tàu khách sẽ đưa du khách đến đảo Trà Ngộ - Đây là đảo lớn nhất, duy nhất trong vịnh Hạ Long – Bái Tử Long còn giữ được vẻ nguyên sơ của cảnh quan HST tự nhiên. Điểm du lịch này thuộc ranh giới xã Vạn Yên, gồm các đảo độc lập nằm ở phía Bắc đảo với muôn hình vạn trạng kỳ thú, đang soi mình trên biển biếc được gọi là khu Trà Thần, hệ thống đường mòn từ trạm kiểm lâm Cái Lim đi qua rừng tới hang Dơi, thung áng Cái Đé.

Điều đặc biệt là sự nối tiếp giữa hai hệ thống đảo đất ở phía Bắc và hệ thống đảo đá vôi ở phía Nam. Một nét khác biệt đặc trưng giữa Vịnh Hạ Long với vịnh Bái Tử Long trong hệ thống các đảo trên biển. Khi đi tham quan bằng hệ thống đường mòn thiên nhiên, du khách sẽ được tận hưởng không khí

trầm mặc và khám phá sự phong phú đa dạng của HST rừng nhiệt đới. Và nếu may mắn du khách sẽ gặp được loài phượng hoàng đất hoặc còn gọi là Hồng Hoàng một loài chim quý hiếm với đôi cánh lớn và màu sắc sặc sỡ.

Hang luôn Cái Đé là một hang đá vôi lớn nhất đó được phát hiện tại vịnh Bái Tử Long cho đến nay, hàng dài 400m, một đầu thông với áng Cái Đé, cửa bên trong thông với thung Cái Đé. Khám phá hang luôn là một hoạt động dành cho những du khách ưa mạo hiểm, muốn thử cảm nhận không khí âm u huyền ảo. Sau khi xuyên qua lòng hang trước mắt du khách sẽ hiện ra một khu RNM tự nhiên nhiều năm tuổi. Tại đây du khách sẽ được tìm hiểu những giá trị đặc sắc của HST RNM, góp phần bảo vệ và nâng cao hiệu quả sử dụng của một trong ba HST quan trọng của HST biển.

Không chỉ vậy, đảo Trà Bản còn là nơi kiếm ăn của những đàn chim Cao Cát quý có màu sắc sặc sỡ. Nếu may mắn thì vào một ngày đẹp trời, đây cũng là điểm có thể xem đàn cá heo vào gần bờ kiếm ăn, xô lên mặt nước như đang biểu diễn xiếc.

Ngoài ra, du khách còn có thể tắm biển trên bãi cát mini cách Trạm kiểm lâm chừng 200 m và thưởng thức món chè thuốc sơ chế từ các loài cây rừng đơn sơ nhưng hoàn toàn trong sạch.

** Điểm du lịch đảo Ba Mùn*

Đây là hòn đảo dài nhất trong VQG, cùng với hệ thống rừng đặc dụng được bảo vệ nghiêm ngặt và là nơi có mật độ thú móng guốc cao nhất, thỏa mãn những khách du lịch có mong muốn tìm hiểu, khám phá thiên nhiên. Có hai chặng đường mòn cho khách lựa chọn: Với du khách có sức khỏe tốt thì chặng đường mòn bắt đầu từ trạm kiểm lâm Ba Mùn đi sang phía đông đảo, tới miếu Cốt Tinh, rồi vòng về Tây đảo để lên tàu. Chặng đường này dài 8 km, đi qua nhiều cảnh quan đặc sắc trên đảo Ba Mùn, du khách sẽ chiêm ngưỡng và cảm nhận sự phân hóa cảnh quan của địa hình 2 sườn theo độ cao. Chặng đường thứ 2 chỉ dài 5 km, bắt đầu từ Vũng Cái Quýt tới Khe Cọong. Tại đây du khách sẽ được tìm hiểu về RNM trong Vũng Cái Quýt, đây là

RNM lớn nhất tại VQG Bái Tử Long. Trên đường có nhiều khe suối nước ngọt là sinh cảnh ưa thích của Ba Ba, Rái Cá. Đoạn đường này tương đối dễ đi, điềm cao nhất trên đường là 20 m.

** Điểm du lịch đảo Mang Khơi*

Đây là cụm đảo nhỏ nằm giữa đảo Trà Ngộ và Ba Mùn, thuộc phạm vi ranh giới xã Minh Châu. Mang Khơi là địa điểm có san hô phát triển tốt nhất VQG, có tới gần 40 loài san hô trong tổng số 106 loài đã thống kê được. Trong đó chủ yếu là san hô cành và san hô khối. Trong rạn có nhiều loài quý hiếm, có giá trị kinh tế cao như hải sâm, cà ghim, cá song... Vào những ngày lặng sóng, thủy triều không cao quá thì du khách có thể thả mình trên mặt nước thư giãn với chiếc áo phao và 1 bộ ống thở theo sự hướng dẫn của nhân viên phục vụ để chiêm ngưỡng tập đoàn san hô ở độ sâu từ 2 – 8 m.

** Điểm du lịch di chỉ khảo cổ hang Soi Nhụ*

Hang Soi Nhụ hay cũn gọi là hang Miếu, nằm phía Tõy Nam VQG Bái Tử Long. Đây là điểm dừng chân để du khách tìm hiểu về một trong những nơi phát tích đầu tiên của nền văn hóa người Việt thời tiền sử và minh chứng cho lịch sử phát triển lâu đời của vùng đất này. Hang Soi Nhụ được khảo sát từ năm 1964 và khai quật năm 1967. Hang phân thành 3 ngăn: ngăn dưới, ngăn giữa, ngăn trên. Ở đây có trưng bày bộ di vật tìm thấy ở hang Soi Nhụ gồm di cốt của 5 người (2 nam, 3 nữ), 19 đồ đá (Hai nạo đá ghè đẽo, 3 rìu đá mài lưỡi kiểu rìu Bắc Sơn, hai hòn cuội tự nhiên, hai mảnh bàn mai, một chày đá) và một số đồ gốm là những mảnh vỡ vụn.

3.5. Khả năng đáp ứng nhu cầu của du khách

3.5.1. Nhu cầu của khách

Kết quả điều tra bằng bảng hỏi thì 88,7% người dân được hỏi cho rằng mục đích và nhu cầu khách đến VQG để tham quan rừng tự nhiên và hoạt động này chỉ là ngắm cảnh đơn thuần, chứ chưa có cơ hội tìm hiểu sâu về thiên nhiên nơi đây. Do đó, tổ chức DLST cần đề cao giáo dục môi trường tự nhiên tại VQG là việc làm rất cần thiết. Và thực tế, DLST đang rất có tương

lai bởi nhu cầu của khách là rất lớn. Theo kết quả phỏng vấn đối với du khách thì 92% số khách thích DLST và 50% khách du lịch đến VQG với mục đích học tập, nghiên cứu.

Về du lịch nhân văn, Minh Châu có rất ít di tích lịch sử văn hóa, nên chỉ có 25% số người dân được hỏi cho rằng khách du lịch tới VQG để tham quan các điểm di tích văn hóa lịch sử. Tuy nhiên, các điểm di tích lịch sử lại tập trung chủ yếu ở Quan Lạn nên khi khách có nhu cầu thường tới Quan Lạn, đặc biệt là lễ hội Quan Lạn vào tháng 6 âm lịch. Song bù lại ở Minh Châu du khách có thể tìm hiểu văn hóa bản địa vùng hải đảo, đặc biệt du khách rất thích khi được chứng kiến cũng như tham gia vào hoạt động khai thác Sá Sùng và đào nhuyễn thể trên bãi triều. (Có 62% khách được hỏi đồng ý với ý kiến này)

Bảng 3.3: Nhu cầu của khách du lịch khi đến Minh Châu.

STT	Nhu cầu	%
1	Xem san hô, cá voi	36
2	Nghỉ dưỡng	45
3	Tham quan học tập	50
4	Tìm hiểu về văn hóa bản địa	62
5	Tắm biển	80
6	DLST	92

Nguồn: [12]

3.5.2. Khả năng đáp ứng

Hình thức Homestay trên các đảo theo kiểu làng du lịch đang được định hướng đầu tư. Việc lưu lại nhà dân thường là lựa chọn của du khách DLST chủ yếu là học sinh, sinh viên, nhà nghiên cứu. Điều này là tín hiệu đáng mừng cho du lịch tại Minh Châu, bởi theo kết quả điều tra cho thấy số khách tối đa có thể ngủ lại nhà dân là rất lớn: 30,4% số hộ dân được phỏng vấn cho rằng có thể cho khách ngủ lại nhà tối đa 3 – 5 khách trong 1 ngày; 59% cho

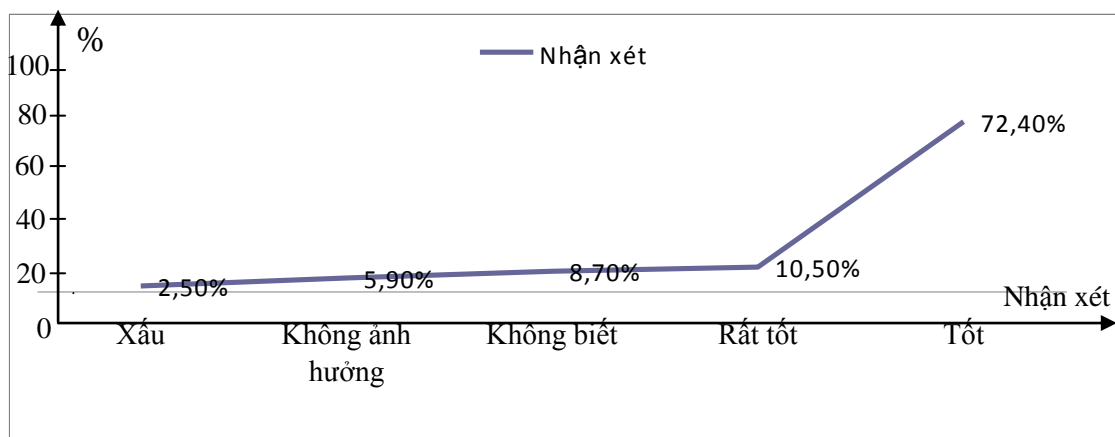
rằng mình có thể cho 5 – 10 khách ngủ lại; 10,6% cho rằng mình có thể cho trên 10 khách ở lại.

Ngoài ra du khách có thể nghỉ lại tại các khu DLST như Vân Hải Xanh, khu DLST Việt Mỹ, khách sạn Minh Châu beach..., hiện nay các dự án xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đang hoàn thiện, trong thời gian tới hệ thống cơ sở vật chất của khu vực sẽ được hoàn thiện và đưa vào sử dụng phục vụ khách du lịch.

3.5.3. Mức độ ảnh hưởng

Nhìn chung hoạt động du lịch tại Minh Châu cũng chưa phát triển, do đó mức độ ảnh hưởng trực tiếp của nó tới nền kinh tế, văn hóa và môi trường là chưa đáng kể. Hầu hết người dân được hỏi đều cho rằng hoạt động du lịch có tác động tốt tới đời sống kinh tế địa phương qua việc nâng cao nhu cầu sử dụng các loại thủy, hải sản và các sản phẩm nông nghiệp khác, phát triển các loại hình dịch vụ tại địa phương nhất là nhà nghỉ, phương tiện vận chuyển khách... Có tới 72,4% số người dân được phỏng vấn đồng ý với ý kiến này. Tuy nhiên việc tổ chức du lịch, sẽ dẫn đến tình trạng tập trung một số lượng lớn khách vào mùa du lịch, làm cho nhu cầu tiêu dùng tăng cao. Do đó, đẩy giá hàng hóa lên cao không chỉ làm ảnh hưởng tới những người làm nông nghiệp có thu nhập thấp. (Có 2,5% số người được hỏi cho rằng hoạt động du lịch có ảnh hưởng xấu tới đời sống của họ).

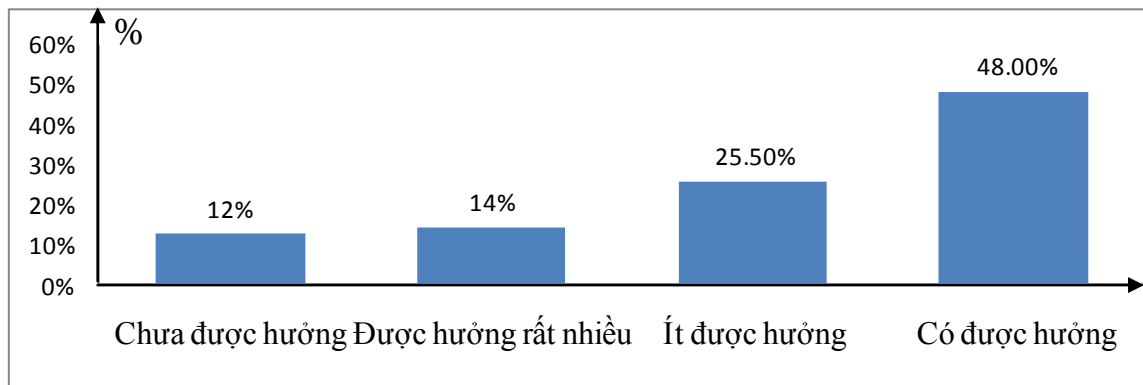
Hình 3.1: Nhận xét của người dân về ảnh hưởng du lịch tới đời sống.



Nguồn: [12]

Theo đánh giá của khách du lịch khi sử dụng dịch vụ vận chuyên, nhà nghỉ tại đây thì 48% người dân được hỏi đồng ý rằng người dân được hưởng lợi từ du lịch; 25,5% người dân được hỏi đồng ý rằng người dân ít được hưởng lợi.

Hình 3.2: Mức độ ảnh hưởng của du lịch đối với người dân địa phương



Nguồn: [12]

Mặc dù sự có mặt của khách du lịch cũng là nguyên nhân một phần khiến cho giá cả các mặt hàng thiết yếu tăng cao nhưng khi được hỏi thì gần 90% người dân trả lời sẽ sẵn sàng cho khách nghỉ lại nhà mình nếu khách có nhu cầu. Điều này chứng tỏ người dân tại Minh Châu khao khát được tham gia vào hoạt động du lịch. Đây là một trong những điều kiện hàng đầu đảm bảo cho hoạt động du lịch núi chung và DLST nói riêng phát triển.

3.6. Mức độ đảm bảo vai trò giáo dục và thuyết minh môi trường

Trong thời gian vừa qua, ban quản lý VQG Bái Tử Long đã tổ chức các cuộc tập huấn như: “Nâng cao năng lực bảo tồn Rùa biển” cho các thầy cô dạy môn sinh vật và làm công tác Đoàn, Đội của huyện Vân Đồn. Cũng như tuyên truyền cho một số ngư dân đang sinh sống vãng lai và nuôi trồng thủy sản trong VQG. Tổ chức hội thi “Rung chuông vàng Tìm hiểu Rùa biển và môi trường sống của chúng” tại sân trường Trung học cơ sở Đông Xá. Đặc biệt, ban quản lý VQG đã phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tại VQG và các xã vùng đệm cuộc thi “Em tập làm hướng dẫn viên du lịch” thành công. Tất cả những

hoạt động giáo dục tuyên truyền đó đó góp phần nâng cao dần nhận thức của người dân địa phương cho hoạt động bảo tồn và phát triển DLST.

Tại trung tâm VQG Bái Tử Long tại thôn 8, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn du khách sẽ được tham quan nhà trưng bày ĐDSH và được giới thiệu tổng quan về phạm vi ranh giới, những tài nguyên đặc trưng, phong phú của VQG Bái Tử Long qua phim tài liệu dài 30 phút. Phim tài liệu giới thiệu và thuyết minh các hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường, nội quy tham quan và các công trình nghiên cứu khoa học mà VQG Bái Tử Long đó và đang thực hiện.

Khi tới Minh Châu, du khách được tham quan phòng trưng bày của Trung tâm giáo dục cộng đồng do Fronter – Việt Nam tài trợ xây dựng. Nhân viên của VQG Bái Tử Long sẽ thuyết minh các giá trị tự nhiên, lịch sử có trong VQG; Những hình ảnh của các loài động thực vật quý hiếm, những cánh rừng đang kêu cứu trước những hoạt động khai thác của con người. Bên cạnh đó là hình ảnh về những tấm gương đó tham gia tích cực trong công tác bảo vệ môi trường, có một số hình ảnh ảnh ấn tượng đó là mô hình lồng sắt nhốt thú. Song song với mô hình lồng sắt nhốt thú còn có hình ảnh “Bác gấu Ngựa” vẫy tay chào du khách như muốn gửi thông điệp thân thương từ môi trường tới du khách. Tại đây còn có một cuốn nhật ký lưu lại những cảm xúc của du khách yêu thiên nhiên sau khi đến tham quan và tìm hiểu về VQG Bái Tử Long, cũng như thông điệp mà thế hệ trước để lại cho thế hệ sau “Hãy chung tay bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ VQG Bái Tử Long núi riêng”.

Tiểu kết chương 3

Đánh giá thực trạng hoạt động du lịch tại VQG Bái Tử Long có thể đưa ra một số nhận xét sau:

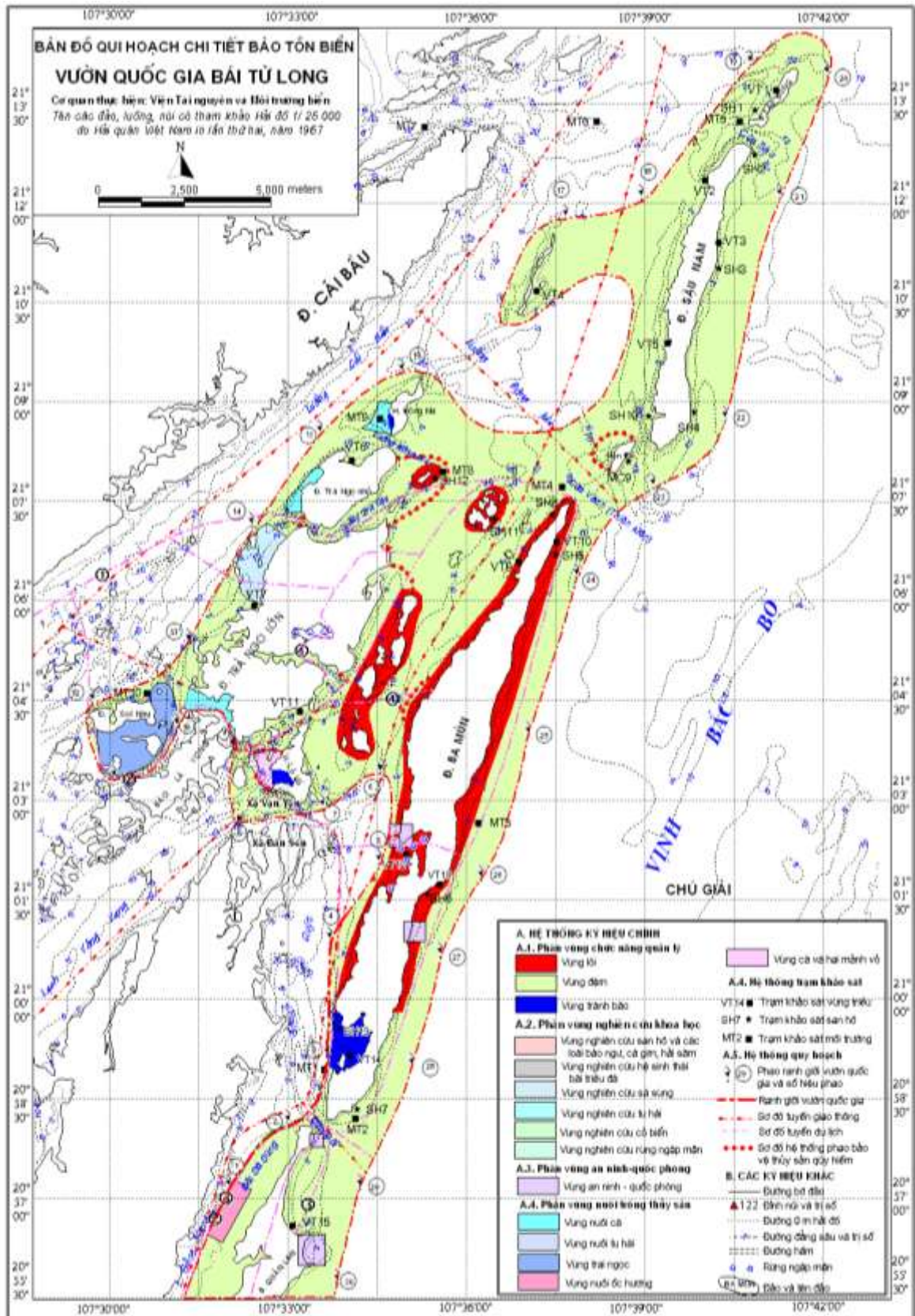
- Lượng khách du lịch đến VQG trong các năm gần đây đã tăng lên khá nhanh. Tuy nhiên, số lượng này còn quá nhỏ so với tiềm năng của Vườn.

- Nguồn thu từ hoạt động chủ yếu từ dịch vụ phòng nghỉ, hiện nay VQG chưa tổ chức thu vé tham quan nên nguồn ngân sách để phát triển và bảo tồn còn hạn hẹp.

- Do diện tích khu vực VQG rộng và các tuyến điểm tham quan du lịch cách xa nhau nên việc tổ chức các tuyến điểm tham quan còn lẻ tẻ, rời rạc chưa có sự gắn kết. Hiện tại mới chỉ khai thác được một số điểm nằm ở khu vực xã Minh Châu và Quan Lạn, nhiều khu vực có cảnh quan đẹp và ĐDSH chưa được khai thác.

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách đặc biệt là hệ thống điện lưới quốc gia và nước ngọt.

- Hoạt động du lịch chưa đảm bảo được những nguyên tắc của DLST như giáo dục và thuyết minh môi trường do nguồn thông tin về môi trường và nhân lực dành riêng cho lĩnh vực du lịch còn hạn chế. Do nguồn thu thấp nên các nguyên tắc còn lại của DLST như hỗ trợ, bảo tồn, hỗ trợ cộng đồng địa phương, thu hút cộng đồng vào hoạt động du lịch cũng chưa thể thực hiện được.



Hình 3: Quy hoạch chi tiết bảo tồn biển VQG Bái Tử Long

CHƯƠNG 4: ĐỊNH HƯỚNG - GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VƯỜN QUỐC GIA BÁI TỬ LONG

4.1. Định hướng phát triển DLST ở VQG Bái Tử Long

4.1.1. Định hướng về sử dụng tài nguyên DLST bền vững

- Tổ chức hoạt động dịch vụ du lịch trong VQG cần tổ chức theo hướng gọn nhẹ nhằm đảm bảo hiệu quả trong việc bảo tồn, lấy bảo tồn làm mục đích bao trùm, phương hướng chung là nâng cao chất lượng dịch vụ. Trong ranh giới Vườn chỉ sử dụng các dịch vụ của một đơn vị để có thể quản lý chặt chẽ, tránh những tác động xấu do hoạt động du lịch mang lại.

- Việc tổ chức dịch vụ du lịch trong VQG được hợp tác với các cơ quan có trình độ chuyên môn cao về du lịch, nhằm mục đích đảm bảo chất lượng và mục tiêu của DLST chất lượng cao.

- Bên cạnh công tác giáo dục môi trường cần tiến hành khoanh vùng phân khu chức năng để tiến hành hoạt động du lịch mà vẫn đảm bảo bảo tồn tự nhiên. Theo quy hoạch của ban quản lý VQG Bái Tử Long thì vườn được chia làm hai khu vực chức năng sau:

+ Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt quy định: Nghiêm cấm tuyệt đối mọi tác động, khai thác, săn bắn, đánh bắt bất cứ loài sinh vật nào. Riêng trên lạch biển thực hiện đánh bắt hạn chế và có sự kiểm soát. Không tổ chức các cơ sở lưu trú hay bất kỳ một hoạt động nào có tính cư trú. Các hoạt động khoa học, nghiên cứu, tham quan du lịch, thám hiểm thiên nhiên theo chương trình đăng ký cụ thể, có sự kiểm soát của ban quản lý VQG.

+ Phân khu phục hồi sinh thái quy định: Khoanh nuôi và nghiên cứu bổ sung những thành tố hệ sinh cảnh cho một số loài hải sản đặc hữu. Trồng rừng với những loài cây bản địa, khoanh trồng, chăm sóc phục hồi thảm thực vật rừng tự nhiên. Khai thác các nguồn lợi nhưng hạn chế ở số lượng nhất định, theo hướng dẫn và trên cơ sở khoanh nuôi bán tự nhiên. Riêng khu vực đảo Soi Nhụ tiến hành trồng rừng, vườn cây cảnh theo loại hình di tích khảo

cổ, phù hợp với mục đích nội dung di chỉ người Việt Cổ thời kỳ đồ đá cũ có ý nghĩa tôn tạo giá trị di tích này.

4.1.2. Định hướng về không gian du lịch

** Phát triển các sản phẩm DLST*

VQG Bái Tử Long là khu vực có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng cả về tự nhiên và nhân văn. DLST tại VQG Bái Tử Long chủ yếu là hè – thu, đây là mùa của du lịch nghỉ dưỡng kết hợp du lịch tâm linh, tìm hiểu văn hóa biển đảo. Còn hoạt động du lịch nghiên cứu khoa học, thám hiểm, học tập có thể diễn ra quanh năm. Từ những đặc thù tài nguyên của Bái Tử Long sẽ có những sản phẩm du lịch rất “đặc thù”. Mỗi nhóm chương trình sẽ có tên riêng, thể hiện ý nghĩa của chương trình:

Trekking tour:	Mở đường rừng Xuyên rừng mở lối
Kayaking tour:	Rẽ đường sóng Lênh đênh với sóng
Nghỉ dưỡng, tắm biển:	Spa liệu pháp biển Thư giãn và tắm nắng

Trong đó có các loại hình du lịch sau:

- Du lịch tham quan nghiên cứu ĐDSH.
- Du lịch tham quan trên các phương tiện vận chuyển.
- Du lịch tham quan làng chài như khai thác nhuyễn thể – câu mực.
- Du lịch dã ngoại tham quan danh thắng tự nhiên.
- Du lịch nghỉ dưỡng kết hợp tắm biển.
- Du lịch tâm linh tham quan các di tích lịch sử kết hợp văn cảnh.
- Du lịch tham quan tổng hợp.

VQG với những điều kiện tự nhiên sẵn có và là nơi lý tưởng cho việc tổ chức, thực hiện các loại hình DLST, đáp ứng những đòi hỏi của du khách. Do đó, phát triển theo hướng DLST chất lượng cao sẽ giúp phát triển du lịch gắn với mục tiêu bảo tồn. Tăng cường thực hiện mọi biện pháp nhằm bảo vệ môi trường. Kiểm soát chặt chẽ và điều tiết kịp thời lượng khách, tránh tình trạng

quá tải của môi trường. Mức thu phí cao và linh hoạt đủ tạo sự hấp dẫn đồng thời là biện pháp để điều tiết lượng khách phù hợp với sức chứa của lãnh thổ.

** Khai thác các tuyến, điểm du lịch*

Do VQG có diện tích rộng lại có giá trị về thẩm mỹ, ĐDSH cao, là một trong những điểm cần bảo tồn của Việt Nam nên việc khai thác du lịch đặc biệt là DLST chỉ cho phép tiến hành trong khu vực vùng đệm của Vườn. Vì vậy, các điểm tham quan bị hạn chế nhiều, các tuyến tham quan cũng nằm trong tầm kiểm soát, không được tiến sâu vào trung tâm của vùng lõi nếu không có sự cho phép của ban quản lý Vườn.

- Các tuyến, điểm du lịch trong VQG Bái Tử Long xuất phát từ cảng Cái Rồng:

+ Cái Rồng - đảo Trà Ngộ - điểm Mang Khơi - điểm du lịch trung tâm - điểm hang Soi Nhụ - Cái Rồng.

+ Cái Rồng – đảo Ba Mùn - điểm du lịch trung tâm - điểm hang Soi Nhụ – Cái Rồng.

+ Cái Rồng - đảo Trà Ngộ - đảo Ba Mùn - điểm du lịch trung tâm.

- Tuyến ngoài vùng:

+ Hà Nội – VQG Bái Tử Long – Hà Nội.

+ Hải Phòng – VQG Bái Tử Long – Hải Phòng.

+ Hà Nội – Hải Phòng – VQG Bái Tử Long – Hà Nội.

Hiện nay, hoạt động du lịch tại VQG Bái Tử Long mới thực hiện ở các điểm du lịch trung tâm và hang Soi Nhụ. Vì vậy đến đây du khách mong muốn được tham quan một vùng sinh thái rừng núi hải đảo Bắc Bộ đậm nét tự nhiên hoang sơ và được giao lưu với văn hóa làng chài hải đảo. Trên cơ sở tiềm năng lớn về DLST, VQG Bái Tử Long cần sớm có quy hoạch tổng thể kết nối các điểm du lịch trong khu vực cũng như các khu du lịch khác trong tỉnh. Nhằm tạo sức hút đối với đông đảo khách du lịch cũng như các nhà đầu tư trong và ngoài nước để VQG Bái Tử Long xứng đáng với vị thế và tiềm năng sẵn có của mình.

4.1.3. Định hướng về công tác đào tạo nhân lực

Đây là công việc cần thiết nhằm đáp ứng mục tiêu và yêu cầu của hoạt động DLST, nhất là trong giai đoạn đầu, việc tiến hành DLST tại VQG Bái tử Long còn mới mẻ và thiếu kinh nghiệm. Cần hình thành một đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ về nghiệp vụ và về hoạt động du lịch đặc biệt là DLST.

- Đào tạo về quản lý du lịch: Quản lý nhà nước trong hoạt động du lịch, các chủ trương, chính sách của Trung ương, địa phương có liên quan đến hoạt động DLST, các kinh nghiệm và kiến thức tổ chức quản lý du khách.

- Đào tạo hướng dẫn viên du lịch: Các kỹ năng giao tiếp phục vụ khách, nội dung hướng dẫn khách du lịch, nội dung tuyên truyền giáo dục môi trường và bảo tồn các cảnh quan tự nhiên, các di tích lịch sử, văn hóa. Đào tạo về ngoại ngữ, tin học cũng như khả năng thu hút sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động DLST.

- Cử cán bộ tham gia các lớp học, các trường nghiệp vụ về du lịch. Sau đó về mở các lớp học cấp tốc đào tạo người dân địa phương có trình độ làm du lịch và DLST, có vốn hiểu biết về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa địa phương. Hơn nữa các cán bộ trong xã đảo phải hiểu rõ về du lịch và DLST thì mới có những chính sách ưu tiên phát triển du lịch của địa phương.

- Đào tạo cách sử dụng các thiết bị chuyên dùng cho DLST như: ống thở, kính lặn, các phương pháp sơ cứu, cấp cứu người bị thương.

- Học tập, tham khảo các công ty du lịch, các VQG trong và ngoài nước khác về kinh nghiệm phát triển DLST. Xúc tiến các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn như đào tạo về bảo tồn ĐDSH, bảo vệ môi trường.

4.1.4. Định hướng về sự tham gia của cộng đồng

Số người được hỏi đều đồng ý cho khách nghỉ lại nhà mình và có dự định sẽ sửa sang nhà cửa để đón khách tham quan. VQG Bái Tử Long đang đứng trước thời cơ rất thuận lợi để xúc tiến thúc đẩy phát triển DLST do được

sự ủng hộ và đồng tình cao của nhân dân địa phương. Việc định hướng sự tham gia của cộng đồng gồm các vấn đề sau:

- Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào các khâu trong quá trình tổ chức hoạt động DLST: Hướng dẫn khách du lịch tham quan trong rừng của VQG, phục vụ dịch vụ ăn nghỉ, đưa đón khách, đóng góp ý kiến cho các chương trình phát triển các tuyến, điểm du lịch...

- Thiết lập mối quan hệ tốt với các tổ chức trong khu vực vùng lõi và vùng đệm của VQG như: Hội nông dân, phụ nữ, cựu chiến binh, đoàn thanh niên... nhằm phát động phong trào bảo vệ tài nguyên thiên nhiên VQG.

Song cần lưu ý trong công tác khuyến khích sự tham gia của cộng đồng là việc đảm bảo công bằng lợi ích khai thác du lịch, tránh xung đột giữa các nhóm người và gia đình.

4.1.5. Định hướng về thị trường và quảng bá du lịch

Vịnh Bái Tử Long được nhiều du khách trong và ngoài nước biết đến nhưng ít người biết được rằng trong khu vực còn có một VQG mới thành lập, với sự đa dạng, phong phú về số loài, có giá trị về tài nguyên sinh vật rừng và biển. Để khắc phục nhược điểm này, Ban quản lý VQG và các cấp có thẩm quyền cần có những biện pháp tích cực, hợp lý nhằm bá cho du khách về những nét hấp dẫn của Vườn và khu vực:

** Cần tiếp tục xây dựng thông điệp - Slogan*

Câu Slogan chung cho cả 3 nhóm chương trình du lịch điển hình tại VQG Bái Tử Long là:

Bai Tu Long – the bait of tuneful longshore

Bái Tử Long – Sự quyến rũ của bãi cát dài hòa nhịp sóng

Trong định nghĩa của từ điển tiếng Anh – Anh, Bái Tử Long được hiểu là “The bait of tuneful longshore”; Xét về nghĩa của cụm từ, có thể hiểu là “Bái Tử Long – Sự quyến rũ của bãi cát dài hòa nhịp sóng”. Tuy nhiên có thể thấy một điều đặc biệt là ngay trong câu định nghĩa tiếng Anh về Bái Tử Long đã thể hiện

ngay trong cái tên Bái Tử Long. Sự biến hóa về ngôn ngữ tạo cảm giác quen thuộc và diệu kỳ của thế giới cũng như của chính Bái Tử Long.

Hiểu theo nghĩa tiếng Việt, “Bái Tử Long – sự quyến rũ của những bãi cát dài hòa nhịp sóng” có thể chưa lột tả được hết vẻ đẹp thiên nhiên, những tài nguyên du lịch tiềm năng mà Bái Tử Long có được. Nhưng phần nào, câu slogan cũng nói lên sức cuốn hút của Bái Tử Long với những bãi cát dài trắng muốt, nước biển trong xanh hiền hòa. Câu nói có thể chưa gây ấn tượng mạnh cho du khách và mang sắc thái cảm tính nhưng ít nhiều gây tò mò cho du khách muốn đến tìm hiểu Bái Tử Long. Nhưng nếu thông điệp được phát đi trên truyền hình thì cần kết hợp với những hình ảnh sống động và ấn tượng.

Người phát đi thông điệp cũng cần phải có uy tín nhất định đối với công chúng, bởi khi một người uy tín cất tiếng nói thì sẽ thu hút được sự quan tâm nhiều hơn của công chúng hơn là một người bình thường, ít được biết đến. Vì thế, luôn cần quan tâm tới nguồn phát đi của thông điệp. Đa số công chúng sẽ quan tâm và tìm hiểu thông điệp mà người phát thông điệp đã nói. Những du khách có uy tín, có trình độ hiểu biết cao, đáng tin cậy, được yêu thích sẽ có những tác động nhất định đến những du khách khác.

** Tăng cường phương thức quảng cáo với nội dung thông tin quảng cáo*

Giới thiệu VQG và huyện đảo Vân Đồn về các đặc trưng, ranh giới địa lý, địa hình, mức độ ĐDSH, phù hợp với các loại hình du lịch, chi tiết thông tin về các tuyến du lịch của VQG Bái Tử Long nói riêng và khu vực Vân Đồn nói chung. Những đặc trưng về văn hóa, lịch sử, các món ăn địa phương, các thành tựu của nhân dân địa phương trong cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc cũng như những thành tựu trong xây dựng và đổi mới đất nước.

4.2. Một số giải pháp phát triển du lịch

4.2.1. Giải pháp về tổ chức hoạt động và quản lý

- Lập kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động du lịch. Trên cơ sở nâng cao chất lượng và số lượng của hệ thống cán bộ

trong ban quản lý VQG. Tiến hành các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ tâm huyết với du lịch của Vườn.

- Xây dựng các nội qui và qui chế hoạt động DLST tại các điểm du lịch, tuyến du lịch được quy hoạch cùng với việc quản lý khách bằng sức chứa du lịch.

- Phối hợp với các đối tác là các công ty du lịch tại các thành phố lớn, các tỉnh có du lịch phát triển để đưa khách tới thăm quan.

- Ở VQG Bái Tử Long vẫn chưa có phí vào cửa, cần xây dựng và áp dụng mức vé tham quan cho phù hợp tạo thêm nguồn kinh phí cho hoạt động bảo tồn và hoạt động của VQG nói chung.

4.2.2. Giải pháp về môi trường

Trong thực tế, nhiều khu du lịch môi trường đã bị tác động và ảnh hưởng do chất thải của khách du lịch. Mặt khác giao thông trên biển nếu phương tiện có chất lượng kém sẽ trực tiếp gây ra hiện tượng tràn dầu, gây tiếng ồn lớn, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước và nơi sinh sống của các loài thủy sinh.

Trong quá trình thực thi dự án bảo tồn biển để phục hồi hệ sinh thái và các loài quý hiếm đem lại hiệu quả tốt cho bảo vệ môi trường, song bước đầu sẽ có ảnh hưởng bởi các hoạt động như xây dựng nhà, làm cầu tàu, đập ngăn nước. Môi trường sinh thái bị tác động và ảnh hưởng trực tiếp là sinh thái đất, gây xói mòn, rửa trôi dẫn tới ô nhiễm biển. Việc thi công hệ thống phao biển có thể gây ảnh hưởng xấu tới hệ sinh thái san hô, cỏ biển. Việc thả thêm nguồn giống có thể dẫn tới việc lây nhiễm dịch bệnh. Để hạn chế các tác động của du lịch đem lại, sinh viên xin đề xuất một số biện pháp cụ thể sau:

- Xây dựng hệ thống thu gom rác thải:

+ Quy định việc thu gom rác thải trên biển và các tàu du lịch. Tàu du lịch vào thăm VQG bắt buộc phải có thùng rác trên tàu, hệ thống chứa và xử lý nước thải sinh hoạt nhằm hạn chế triệt để việc gây ô nhiễm do hoạt động du lịch. Kinh phí trích từ nguồn thu phí du lịch.

Bảng 4.1: Những tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái và giải pháp giảm thiểu các tác động

Các hoạt động	Tác động môi trường sinh thái	Giải pháp giảm thiểu tác động
Xây dựng cơ sở hạ tầng: Đào đắp, đổ đất, dầu máy thừa.	- Gây bồi lắng. - Gây độ đục. - Có thể nhiễm dầu và amôniac nguồn nước.	- Đổ đất đúng nơi quy định và xây kè chống rửa trôi. - Không đổ dầu máy thừa trong khu vực
Du lịch, giao thông trên biển.	- Gây tiếng ồn. - Chất thải du lịch.	- Cấm các phương tiện kém chất lượng. - Xây dựng hệ thống thu gom rác thải.

4.2.3. Giải pháp về cơ sở hạ tầng

- Đầu tư xây dựng các nhà nghỉ, để đáp ứng nhu cầu ăn nghỉ tại xã Minh Châu thì cần chú ý đến kiến trúc và vật liệu sao cho phù hợp với môi trường và cảnh quan nơi đây. Nếu có thể thì sẽ sử dụng các phương tiện và thiết bị công nghệ cao trong bảo vệ môi trường có tác dụng hạn chế, xử lý lượng rác thải, sử dụng các nguồn năng lượng tái chế không gây ô nhiễm.

- Xây dựng các hồ chứa nước, các đập nước thượng nguồn quy mô nhỏ hoặc các bể chứa nước mưa, giếng đào, giếng khoan đúng kỹ thuật để cấp nước cho khu dân cư và khu du lịch.

- Tạo điều kiện để sớm thực hiện dự án cung cấp điện lưới quốc gia cho cư dân xã đảo, không chỉ phục vụ cho cuộc sống của nhân dân mà phục vụ cho du lịch của địa phương phát triển.

- Đầu tư phương tiện tàu thuyền vận chuyển: Tàu, xuồng, ca nô tuần tra, các đồ lặn phục vụ du lịch. Nâng cấp các tuyến đường mòn để tuần tra bảo vệ và kết hợp với DLST trên đảo Ba Mùn, Trà Ngọ.

- Tôn tạo, nâng cấp cảnh quan văn hóa, lịch sử; phục chế và bảo vệ các di chỉ khảo cổ, dấu tích của người Việt cổ thời kỳ đồ đá tại hang Soi Nhụ; chỉnh trang hang luồn Cái Đé. Đặc biệt là lắp đặt hệ thống đường điện trong hang xuyên sang thung áng Cái Đé. Tôn tạo dấu tích thương cảng cổ Cái Làng...các hoạt động phục chế không làm sai khác biến đổi cảnh quan, ảnh hưởng đến các di vật.

4.2.4. Giải pháp về tổ chức quy hoạch du lịch cộng đồng

- Tiến hành kiểm soát việc cho thuê mặt bằng kinh doanh, trên cơ sở đó đề đạt các phương án giảm thuế hoặc miễn thuế cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, hộ mới bắt đầu kinh doanh du lịch, ưu tiên người dân trong xã có đủ khả năng làm du lịch, tạo điều kiện cho người dân nâng cao thu nhập kinh tế, cải thiện đời sống.

- Tìm hiểu nhu cầu kinh doanh của người dân để đề xuất phương án cho vay vốn, hướng dẫn kinh doanh du lịch với các hộ có nhu cầu và khả năng làm kinh doanh nhưng không đủ vốn.

- Thực thi nghiêm khắc các quy định về buôn bán để tạo cho môi trường kinh doanh du lịch lành mạnh.

- Tạo điều kiện cho các cá nhân trong địa phương có việc làm trên cơ sở khoán rừng cho các hộ gia đình. Trong điều kiện nhất định họ có thể khai thác tài nguyên rừng, góp phần đảm bảo đời sống mà không làm ảnh hưởng tới môi trường xung quanh quá lớn.

- Quy hoạch, hướng dẫn các làng nghề nuôi trồng hải sản vừa để cung cấp thực phẩm cho người dân vừa cung cấp thực phẩm cho ngành du lịch vừa tạo điểm du lịch và việc làm cho người dân.

4.2.5. Giải pháp về thị trường

* *Thị trường khách du lịch* của VQG vốn chỉ tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố lớn của đồng bằng Bắc Bộ. Do đó, có thể mở rộng thị trường, tăng khách du lịch đến đây nói chung và khách lưu trú nói riêng cần tiến hành:

+ Đầu tư quảng bá về tiềm năng du lịch của Vườn trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, báo chí Trung ương, địa phương về hoạt động DLST tại VQG Bái Tử Long.

+ Đặt văn phòng đại diện ở các trung tâm du lịch lớn như: Hà Nội Hải Phòng, Hồ Chí Minh...

+ Duy trì hoạt động, cập nhật thông tin trên các tập tin, trang web giới thiệu bằng tiếng Việt và tiếng Anh về VQG nhằm tuyên truyền tới các du khách, các công ty lữ hành, các tổ chức trong và ngoài nước.

+ Sử dụng các cá nhân, tổ chức nổi trội, có uy tín, tạo ra những người hướng dẫn du lịch để kích thích họ tiêu dùng và tư vấn những người khác.

- Bên cạnh kênh truyền thông trực tiếp này thì cần chú ý đến kênh truyền thông gián tiếp bao gồm:

+ Tiến hành in trên áo, mũ, túi có hình logo của VQG làm đồ lưu niệm cho du khách.

+ Xuất bản thêm các ấn phẩm: Catalog, tạp chí Du lịch, các tạp chí chuyên ngành, tờ gấp, tập sách mỏng giới thiệu và các lưu ý khi tham quan VQG Bái Tử Long. Trong quảng cáo in ấn, thông điệp phải có sự bố trí hài hòa giữa màu sắc, bố cục, tiêu đề, lời văn.

+ Xây dựng các clip quảng cáo, đĩa CD, mạng internet.

+ Quảng cáo ngoài trời như đặt áp phích lớn ở một số trung tâm thương mại và sân bay.

+ Kết hợp du lịch Vườn với các điểm du lịch khác trong huyện, trong tỉnh như khu du lịch Hạ Long, Móng Cái, Yên Tử...trong chiến dịch quảng cáo, tiếp thị.

+ Trực tiếp giao dịch với khách để tổ chức các hoạt động du lịch cho khách. Thực hiện các chương trình tuyên truyền, quảng bá về du lịch, liên hệ với các đơn vị trong huyện, trong tỉnh và ngoài tỉnh để phát triển hoạt động DLST của Vườn.

+ Thường xuyên tiến hành hoạt động thu thập ý kiến nhân dân, khách du lịch định kỳ để nắm bắt sở thích, tâm lý, nhu cầu của khách mong muốn khi đi tham quan để tạo ra sản phẩm du lịch hợp lý có chất lượng cao, cũng như các phục vụ đạt tiêu chuẩn.

* *Thị trường hàng hóa*: Thị trường hàng hóa cần được quan tâm và quản lý chặt chẽ hơn nữa để phù hợp với cung và cầu

- Tăng cường sản xuất lương thực, thực phẩm ngay trong khu vực để phục vụ cho du lịch, tránh tình trạng giá cả leo thang bởi vị trí địa hình biển đảo nên vấn đề lương thực và thực phẩm của khu vực cũng rất khó khăn.

- Đa dạng hóa các sản phẩm trong địa phương mà thị trường cung cấp cho VQG là các xã xung quanh đặc biệt là các xã đảo Cái Bầu hoặc là những huyện đảo lân cận.

- Khuyến khích các hộ gia đình mở thêm các điểm bán hàng hóa tiêu dùng, lưu niệm đặc trưng và các sản phẩm hải sản, Sá Sùng... có chất lượng và giá cả hợp lý.

4.2.6. Giải pháp về vốn đầu tư

- Soạn thảo và ban hành các quy chế, cơ chế phát triển DLST của địa phương dựa trên pháp luật của nhà nước, tình hình thực tế của địa phương, có sức thuyết phục, để thu hút nhiều nguồn vốn của các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế nhằm phát triển du lịch theo quy hoạch.

- Các nguồn vốn chính cần huy động gồm: Nguồn vốn từ ngân sách địa phương, tỉnh, Trung ương, ngành du lịch thông qua các chương trình hành động quốc gia về phát triển du lịch đặc biệt là DLST. Khuyến khích ưu tiên người dân địa phương nếu có khả năng về vốn, công nghệ và kỹ thuật.

- Khuyến khích các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp không phân biệt trong hay ngoài nước, thành phần kinh tế hoặc các ngành nghề khác nhau tham gia vào đầu tư khai thác, kinh doanh du lịch của VQG Bái Tử Long.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu và đánh giá các tiềm năng, hiện trạng và định hướng phát triển DLST ở VQG Bái Tử Long, sinh viên xin đưa ra một số kết luận như sau:

Quan điểm phát triển DLST là quan điểm mới trong chiến lược phát triển của ngành du lịch dựa trên sử dụng tài nguyên tự nhiên và nhân văn một cách hợp lý nhằm khai thác tốt nhất giá trị của các tài nguyên du lịch. Nâng cao năng lực quản lý, góp phần cải thiện kinh tế địa phương, giáo dục người dân, du khách thập phương về bảo vệ môi trường tự nhiên.

VQG Bái Tử Long là nơi có vị thế rất thuận lợi, thị trường khách du lịch cả trong và ngoài nước là rất lớn, lượng khách tiềm năng cao. Không những thế, VQG Bái Tử Long còn tiềm ẩn nhiều tiềm năng về tự nhiên và nhân văn vô cùng phong phú và đa dạng. Tuy nhiên VQG mới được thành lập nên cần có những biện pháp quảng bá nhằm thu hút sự chú ý của báo giới, thông tin đại chúng cũng như các nhà quản lý, thiết kế tour của các công ty du lịch. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh việc kết hợp các tour tuyến với các vùng du lịch lân cận như: Hạ Long, Móng Cái, Cát Bà... tạo tuyến du lịch có chất lượng cao.

Mặc dù tiềm năng lớn, độ hấp dẫn cao song du lịch VQG Bái Tử Long vẫn chưa khai thác triệt để nguồn tài nguyên của mình để phục vụ du lịch. Do đó, cần tiến hành kết hợp nhiều loại hình du lịch để tăng sự phong phú về sản phẩm du lịch ở VQG Bái Tử Long.

Hiện trạng cơ sở hạ tầng của khu vực còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách, đặc biệt là vào dịp cuối tuần, ngày lễ hoặc vào mùa hè. Do đó, khu vực cần tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vật chất phù hợp đảm bảo phục vụ nhu cầu của du khách. Tuy nhiên, việc nâng cấp và xây dựng mới những cơ sở này vẫn phải đảm bảo được tính hợp lý, hài hòa với phong cảnh của Vườn.

Du lịch VQG Bái Tử Long hiện nay đang ở giai đoạn đầu của sự phát triển nhưng cũng đã bắt đầu mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương như: Tạo việc làm, mở rộng giao lưu, tăng cường đầu tư về cơ sở hạ tầng cho khu vực...

Việc thu hút người dân tham gia du lịch là việc làm hết sức cần thiết, không chỉ tạo nguồn thu nhập và nâng cao đời sống của người dân mà còn giúp người dân mở rộng kiến thức, biết kinh doanh và hiểu biết về thế giới bên ngoài nhiều hơn. Những chính sách đưa phù hợp thì mới đáp ứng được nguyện vọng của người dân và được nhân dân đón nhận. Bởi vậy phải luôn tạo điều kiện cho người dân tham gia vào hoạt động du lịch nhiều hơn, hiệu quả hơn. Mặt khác để hạn chế được những tác động tiêu cực phải sử dụng các thông điệp, các biện pháp tuyên truyền, về giữ gìn bản sắc văn hóa, giáo dục về môi trường tới người dân. Bởi nguồn tài nguyên đem lại lợi ích cho cư dân bản địa song cũng rất dễ bị phá hủy nếu chính bản thân họ không có ý thức bảo vệ và gìn giữ bản sắc dân tộc hiểu và bảo vệ. Cần có những biện pháp nâng cao trình độ văn hóa cho cộng đồng địa phương, giúp người dân hòa nhập với sự phát triển kinh tế xã hội chung làm giảm bớt sự khác biệt trong mức sống giữa vùng hải đảo và vùng đô thị để VQG Bái Tử Long trở thành điểm du lịch sáng giá trên bản đồ du lịch Việt Nam trong tương lai không xa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ban quản lý VQG Bái Tử Long**, (2005), báo cáo “*Quy hoạch chi tiết bảo tồn biển VQG Bái Tử Long*”.
2. **Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, viện điều tra quy hoạch rừng**, (10/2000), “*Dự án đầu tư xây dựng VQG Bái Tử Long Quảng Ninh*”.
3. **PGS.TS Nguyễn Thị Hải**, Báo cáo tổng kết đề tài (2008): “*Nghiên cứu đánh giá tiềm năng DLST của VQG Pù Mát, tỉnh Nghệ An*”, trường Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. **Nguyễn Đức Hoà; Vũ Văn Hiếu**, (2001), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. **Nguyễn Đình Hoà**, (2009), *Môi trường và phát triển bền vững*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. **IUCN, VNAT, ESCAP**, (1999), Tuyển tập báo cáo hội thảo: “*Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển DLST tại Việt Nam*, Hà Nội.
7. **Lê Văn Lanh**, (2008), *VQG Bái Tử Long*, NXB Thanh niên.
8. **Đặng Duy Lợi**, *Đánh giá và khai thác các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên huyện Ba Vì (Hà Tây) phục vụ mục đích du lịch*, Luận án PTS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I, Bộ giáo dục đào tạo.
9. **GS.TS Đỗ Tất Lợi**, Đơn thuốc có Lá khô của Phật hội Đông y Thanh Hoá “*Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*”.
10. *Luật du lịch* (2006), NXB Quốc gia, Hà Nội.
11. **Phạm Trung Lương**, (2002), *Du lịch sinh thái những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
12. **Phiếu điều tra 5/2010**.
13. **Phòng thống kê huyện Vân Đồn**, *Số liệu thống kê du lịch huyện Vân Đồn*.

14. **Pirojnik** (1985), *Cơ sở địa lý dịch vụ và du lịch*, Trần Đức Thanh và Nguyễn Thị Hải biên dịch – Tài liệu tư liệu lưu trữ tại khoa du lịch học.
15. **Trần Đức Thanh**, (2000), *Nhập môn khoa học du lịch*. NXB Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
16. **Tổng cục du lịch**, Báo cáo tóm tắt “*Thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển hệ thống du lịch biển Việt Nam đến năm 2010*”.
17. **Nguyễn Minh Tuệ**, (1999), *Địa lý du lịch*, NXB TP Hồ Chí Minh.
18. **Bùi Thị Hải Yến**, (2009), *Quy hoạch du lịch*, NXB Giáo dục, Hà Nội .
19. **Bùi Thị Hải Yến**, (2009), *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Phụ lục

Phiếu điều tra Du lịch

(Khách du lịch)

Chúng tôi là sinh viên khoa Văn hóa du lịch trường ĐHDL Hải Phòng, đang làm luận văn tốt nghiệp về DLST VQG Bái Tử Long, huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh. Chúng tôi lập phiếu điều tra này nhằm tìm hiểu các hoạt động du lịch ở địa phương. Thông tin của ông (bà) sẽ là nguồn tư liệu cần thiết phục vụ cho công tác nghiên cứu của chúng tôi.

1. Họ và tên:

Nam/Nữ:

- Tuổi:

- Nghề nghiệp:

Cán bộ

Nhân viên

Buôn bán

Sinh viên

Khác (cụ thể)

- Trình độ văn hóa

Cấp 1

Cấp 2

Cấp 3

ĐH, CĐ

Sau ĐH

Khác (cụ thể)

2. Ông/bà biết thông tin về VQG Bái Tử Long là do?

Gia đình, bạn bè

Công ty du lịch

Sách báo

Internet

Khác (cụ thể)

3. Ông/bà thích loại hình du lịch nào ở VQG Bái Tử Long?

Du lịch sinh thái

Tìm hiểu văn hóa bản địa

Tham quan học tập

Du lịch nghỉ dưỡng

Lặn, xem cá heo, san hô

Tắm biển

Khác (cụ thể)

4. Ông/bà thấy giá cả hàng hóa ở đây thế nào?

Rất đắt

Đắt

Trung bình

Rẻ

5. Ông/ bà có nghỉ ở VQG Bái Tử Long không?

Có Không

- Tại sao?

Cơ sở lưu trú Tốt Kém Khác

6. Ông/bà có muốn lưu trú lại từ 1 – 2 ngày ở VQG Bái tử Long nếu có thêm dịch vụ không?

Chắc chắn Có thể Không Khác

- Nếu ở lại Ông/bà thích loại hình cư trú nào?

Khách sạn, nhà nghỉ Lều trại Nhà sàn

Nhà người dân Khác (cụ thể)

7. Ông/bà có nhu cầu gì khác ngoài thời gian tham gia các hoạt động du lịch tại khu du lịch VQG Bái Tử Long?

- Giải trí: Nhà hàng Quán Bar Khác (cụ thể)

- Thể thao:

Quần vợt Bóng đá Bể bơi

Golf Khác (cụ thể)

8. Ông/bà có thuê hướng dẫn viên du lịch không?

Có Không

9. Thái độ của cộng đồng đối với Ông/bà như thế nào?

Niềm nở Bình thường E ngại

Không biểu hiện Khác (cụ thể)

10.Theo Ông/bà người dân địa phương tại VQG Bái Tử Long đã tham gia vào hoạt động du lịch như thế nào?

Tham gia rất nhiều Có tham gia

Ít tham gia Chưa được tham gia

11.Theo Ông/bà người dân được hưởng lợi nhuận từ du lịch như thế nào?

Được hưởng rất nhiều Có được hưởng

Ít được hưởng Chưa được hưởng

12. Điều gì làm Ông/bà không hài lòng ở đây?

- | | | | |
|--------------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|
| Môi trường | <input type="checkbox"/> | Dịch vụ du lịch | <input type="checkbox"/> |
| Thái độ tiêu cực của cộng đồng | <input type="checkbox"/> | Cơ sở hạ tầng tiện nghi | <input type="checkbox"/> |
| Chất lượng HDV du lịch | <input type="checkbox"/> | Công ty du lịch | <input type="checkbox"/> |
| Khác (cụ thể) | <input type="checkbox"/> | | |

13. Ông/bà có đóng góp ý kiến gì để nâng cao chất lượng hoạt động du lịch của khu du lịch VQG Bái Tử Long?

Xin chân thành cảm ơn Ông/bà!

Phiếu điều tra Du lịch

(Cộng đồng địa phương)

Chúng tôi là sinh viên khoa Văn Hóa Du Lịch trường ĐHDL Hải Phòng, đang làm luận văn tốt nghiệp về DLST VQG Bái Tử Long, huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh. Chúng tôi lập phiếu điều tra này nhằm tìm hiểu các hoạt động du lịch ở địa phương. Thông tin của ông (bà) sẽ là nguồn tư liệu cần thiết phục vụ cho công tác nghiên cứu của chúng tôi.

- Họ và tên: Tuổi:
- Xã: Trình độ văn
hóa:
- Nghề nghiệp:

1. Thông tin chung về Gia Đình

- Tổng số thành viên trong gia đình:
- Số thành viên trong gia đình tham gia vào hoạt động du lịch:

2. Gia đình tham gia các hoạt động du lịch gì?

- | | Thu nhập/tuần
nhập/tháng | Thu |
|--|-----------------------------|-----|
| - Cung cấp sản phẩm từ nông – lâm nghiệp | <input type="checkbox"/> | |
| - Hướng dẫn khách | <input type="checkbox"/> | |
| - Xe lam, tàu chở khách | <input type="checkbox"/> | |
| - Nhà nghỉ, khách sạn | <input type="checkbox"/> | |
| - Mở quán bán hàng | <input type="checkbox"/> | |
| - Bán hải sản địa phương | <input type="checkbox"/> | |
| - Khác | <input type="checkbox"/> | |

3. Năm Ông/bà bắt đầu tham gia hoạt động du lịch?

Lý do:

4. Hoạt động kinh tế chủ yếu trước khi tham gia hoạt động du lịch?

- | | | | |
|-------------|--------------------------|---------------------|-------|
| Nông nghiệp | <input type="checkbox"/> | Thu nhập/tháng(năm) | 1000đ |
| Lâm nghiệp | <input type="checkbox"/> | | 1000đ |
| Kinh doanh | <input type="checkbox"/> | | 1000đ |
| Ngư nghiệp | <input type="checkbox"/> | | 1000đ |
| Khác | <input type="checkbox"/> | | 1000đ |

5. Gia đình có lợi thế nào khi hoạt động du lịch địa phương phát triển:

- Việc làm: Nhiều ít Không
- Thu nhập: Nhiều ít Không
- Hiểu biết: Có Không

6. Du lịch có ảnh hưởng như thế nào tới gia đình?

- Xấu Tốt Rất tốt
Không ảnh hưởng Không biết

7. Theo Ông/bà có nên phát triển du lịch ở địa phương không?

- Có Không

Loại hình:

Lý do:

8. Du khách đến với VQG Bái Tử Long thuộc loại khách nào?

- Trong nước Quốc tế Cả hai

9. Du khách tới VQG Bái tử Long với mục đích gì?

- Văn hóa địa phương Thưởng thức món ăn địa phương
Tham quan di tích lịch sử Tránh nơi đông đúc ồn ào
Thưởng thức khí hậu mát mẻ Tham quan rừng tự nhiên
Tắm biển Mua đồ lưu niệm

10. Khó khăn trong các hoạt động du lịch của địa phương hiện nay?

- Vốn Ngoại ngữ
Cơ sở vật chất Phương tiện đi lại
Khác

11. Ông/bà cần hỗ trợ gì để có thể tham gia vào hoạt động du lịch?

- Vốn Ngoại ngữ
Cơ sở vật chất Phương tiện đi lại

12. Nếu được hỗ trợ để tham gia hoạt động du lịch Ông/bà sẽ làm gì?

13. Khi khách có nhu cầu nghỉ lại nhà Ông/bà:

- Sẵn sàng cho khách ở chung: Có Không

- Nếu khách ở thì Ông/bà có thể cho bao nhiêu khách ở?
3 khách - 5 khách 5 khách - 10 khách Trên 10 khách

14. Trong những năm gần đây, ở địa phương có chương trình đầu tư phát triển nào không?

Có Không

Ông/bà có tham gia vào dự án nào trong đó không?

Có Không

Cụ thể:

15. Ông/bà có đề xuất gì cho phát triển du lịch tại địa phương không?

Xin chân thành cảm ơn Ông/bà!

PHỤ LỤC ẢNH



Bảo tàng QVG Bái Tử Long



Hoàng hôn trên biển



Đường vào biển Minh Châu



Bãi biển Quan Lạn



Hòn Thiên Nga



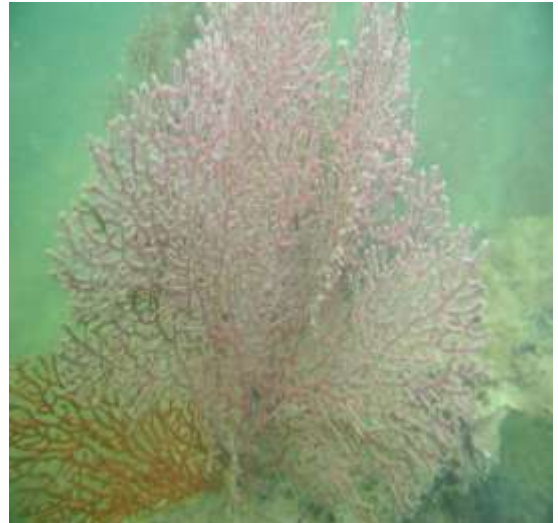
Đình Quan Lạn



Rừng Trâm



San hô sừng



San hô



Sá sùngkhô



Khai thác Sá sùng